

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN

# TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH

- Module THCS 23  
Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh
- Module THCS 24  
Kỹ thuật kiểm tra, đánh giá trong dạy học

(Dành cho giáo viên trung học cơ sở)



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Bản quyền thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo – Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục.  
Cấm sao chép dưới mọi hình thức.

---

Mã số: 01.01.69/89 – ĐH 2014

# MỤC LỤC

	Trang
<b>LỜI GIỚI THIỆU .....</b>	<b>5</b>
<b>Module THCS 23: KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH .....</b>	<b>7</b>
A. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN .....	8
B. MỤC TIÊU .....	8
C. NỘI DUNG .....	9
<b>Nội dung 1. Những vấn đề cơ bản về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh .....</b>	<b>9</b>
Hoạt động 1: Phân biệt một số khái niệm về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh .....	9
Hoạt động 2: Xác định mục đích, chức năng của kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.....	11
Hoạt động 3: Thực hiện các bước cơ bản trong kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh.....	16
Hoạt động 4: Xác định các yêu cầu đối với kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và tìm hiểu xu hướng đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập hiện nay.....	18
<b>Nội dung 2. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh .....</b>	<b>24</b>
Hoạt động 1: Xác định ưu điểm và hạn chế của từng phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh ở trường THCS.....	24
Hoạt động 2: Xác định các yêu cầu khi sử dụng các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập phù hợp với các mục tiêu học tập ..	30
Hoạt động 3 : Thực hành lựa chọn và sử dụng các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở môn học cụ thể.....	38
D. TÀI LIỆU THAM KHẢO .....	40
<b>Module THCS 24: KỸ THUẬT KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ TRONG DẠY HỌC .....</b>	<b>41</b>
A. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN .....	42
B. MỤC TIÊU .....	42
C. NỘI DUNG .....	43

<b>Nội dung 1. Các kĩ thuật kiểm tra, đánh giá định kì kết quả học tập của học sinh.....</b>	<b>43</b>
Hoạt động 1: Thiết lập các bước cụ thể để xây dựng một đề kiểm tra cho môn học cụ thể.....	43
Hoạt động 2: Xác định các mục tiêu kiểm tra, đánh giá và thiết lập bảng ma trận.....	46
Hoạt động 3: Thực hiện viết đề kiểm tra tự luận và trắc nghiệm khách quan.....	52
Hoạt động 4: Thực hành viết hệ thống câu trắc nghiệm khách quan.....	55
Hoạt động 5: Thực hành phân tích câu trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn .....	58
<b>Nội dung 2. Các kĩ thuật kiểm tra, đánh giá hỗ trợ cho dạy học có hiệu quả .....</b>	<b>63</b>
Hoạt động 1: Xác định mối quan hệ giữa dạy học và kiểm tra, đánh giá.....	63
Hoạt động 2: Thực hiện kĩ thuật quan sát để điều chỉnh, hỗ trợ quá trình dạy học.....	67
Hoạt động 3: Thực hiện kĩ thuật đặt câu hỏi để điều chỉnh, hỗ trợ quá trình dạy học.....	71
<b>D. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>75</b>

## LỜI GIỚI THIỆU

Giáo viên là một trong những nhân tố quan trọng quyết định chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước. Do vậy, Đảng, Nhà nước ta đặc biệt quan tâm đến công tác xây dựng và phát triển đội ngũ giáo viên. Một trong những nội dung được chú trọng trong công tác này là bồi dưỡng thường xuyên (BDTX) chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên.

BDTX chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên là một trong những mô hình nhằm phát triển nghề nghiệp liên tục cho giáo viên và được xem là mô hình có ưu thế giúp số đông giáo viên được tiếp cận với các chương trình phát triển nghề nghiệp.

Tiếp nối chu kỳ II, chu kỳ III BDTX giáo viên mầm non, phổ thông, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã xây dựng chương trình BDTX giáo viên và quy chế BDTX giáo viên theo tinh thần đổi mới nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác BDTX giáo viên trong thời gian tới. Theo đó, các nội dung BDTX chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên đã được xác định, cụ thể là:

- Bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học theo cấp học (nội dung bồi dưỡng 1);
- Bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ phát triển giáo dục địa phương theo năm học (nội dung bồi dưỡng 2);
- Bồi dưỡng đáp ứng nhu cầu phát triển nghề nghiệp liên tục của giáo viên (nội dung bồi dưỡng 3).

Theo đó, hằng năm mỗi giáo viên phải xây dựng kế hoạch và thực hiện ba nội dung BDTX trên với thời lượng 120 tiết, trong đó: nội dung bồi dưỡng 1 và 2 do các cơ quan quản lý giáo dục các cấp chỉ đạo thực hiện và nội dung bồi dưỡng 3 do giáo viên lựa chọn để tự bồi dưỡng nhằm phát triển nghề nghiệp liên tục của mình.

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Chương trình BDTX giáo viên mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên với cấu trúc gồm ba nội dung bồi dưỡng trên. Trong đó, nội dung bồi dưỡng 3 đã được xác định và thể hiện dưới hình thức các module bồi dưỡng làm cơ sở cho giáo viên tự lựa chọn nội dung bồi dưỡng phù hợp để xây dựng kế hoạch bồi dưỡng hằng năm của mình.

Để giúp giáo viên tự học, tự bồi dưỡng là chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã giao cho Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục chủ trì xây dựng bộ tài liệu gồm các module tương ứng với nội dung bồi dưỡng :3 nhằm phục vụ công tác BDTX giáo viên tại các địa phương trong cả nước. Ở mỗi cấp học, các module được xếp theo các nhóm tương ứng với các chủ đề trong nội dung bồi dưỡng 3.

Mỗi module bồi dưỡng được biên soạn như một tài liệu hướng dẫn tự học, với cấu trúc chung gồm:

- Xác định mục tiêu cần bồi dưỡng theo quy định của Chương trình BDTX giáo viên;
- Hoạch định nội dung giúp giáo viên thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng;
- Thiết kế các hoạt động để thực hiện nội dung;
- Thông tin cơ bản giúp giáo viên thực hiện các hoạt động;
- Các công cụ để giáo viên tự kiểm tra, đánh giá kết quả bồi dưỡng.

Tuy nhiên, do đặc thù nội dung của từng lĩnh vực cần bồi dưỡng theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên nên một số module có thể có cấu trúc khác.

Tài liệu được thiết kế theo hình thức tự học, giúp giáo viên có thể học ở mọi lúc, mọi nơi. Bằng các hoạt động học tập chủ yếu trong mỗi module: như: đọc, ghi chép, làm bài thực hành, bài tập tự đánh giá, bài kiểm tra nhanh, bài tập tinh huống, tóm lược và suy ngẫm... giáo viên có thể tự linh hội kiến thức cần bồi dưỡng, đồng thời có thể thảo luận những vấn đề đã tự học với đồng nghiệp và tận dụng cơ hội để áp dụng kết quả BDTX trong hoạt động giảng dạy và giáo dục của mình.

Các tài liệu BDTX này sẽ được bổ sung thường xuyên hàng năm để ngày càng phong phú hơn nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển nghề nghiệp đa dạng của giáo viên mầm non, giáo viên phổ thông và giáo viên tại các trung tâm giáo dục thường xuyên trong cả nước.

Bộ tài liệu này lần đầu tiên được biên soạn nên rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các nhà khoa học, các giáo viên, các cán bộ quản lý giáo dục các cấp để tác giả cập nhật, bổ sung tài liệu ngày một hoàn thiện hơn.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục – Bộ Giáo dục và Đào tạo (Toà nhà 8C – Ngõ 30 – Tạ Quang Bửu – P. Bách Khoa – Q. Hai Bà Trưng – TP. Hà Nội) hoặc Nhà xuất bản Đại học Sư phạm (136 – Xuân Thuỷ – P. Dịch Vọng – Q. Cầu Giấy – TP. Hà Nội).

*Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục – Bộ Giáo dục và Đào tạo*

MODULE THCS

23

KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ  
KẾT QUẢ HỌC TẬP  
CỦA HỌC SINH

TRẦN THỊ TUYẾT OANH

## A. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

Với sự phát triển của lí luận dạy học hiện đại và cùng với yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của học sinh, việc kiểm tra, đánh giá cũng cần được đổi mới một cách đồng bộ. Module này giúp cho giáo viên thực hiện hoạt động kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trong quá trình giảng dạy của mình theo hướng đổi mới.

Nội dung module làm rõ những lí luận cơ bản, hiện đại về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh THCS, trình bày có hệ thống các phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với xu thế đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập hiện nay; xác định cách thức và yêu cầu để giáo viên thực hiện có hiệu quả các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập phù hợp với lí luận dạy học hiện đại.

Tài liệu hướng dẫn cho học viên cách huy động những hiểu biết cũng như những kinh nghiệm đã có về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập vào lĩnh hội kiến thức mới, **thực hành áp dụng** chúng để rèn luyện kỹ năng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập. Thực hiện các tương tác trong quá trình học tập, vận dụng đa dạng các hình thức, phương pháp và kỹ thuật dạy học để học viên được trải nghiệm, nâng cao kiến thức và kỹ năng chuyên môn.

## B. MỤC TIÊU

Sau khi học xong module này, học viên sẽ:

### 1. Về kiến thức

Xác định được vai trò, chức năng của kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh phù hợp với lí luận dạy học hiện đại.

### 2. Về kỹ năng

- Mô tả được các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của từng phương pháp và yêu cầu khi sử dụng từng phương pháp.
- Sử dụng thành thạo các phương pháp kiểm tra, đánh giá phù hợp với từng tình huống cụ thể và mục tiêu học tập đã xác định.

### 3. Về thái độ

Có ý thức tích cực và sẵn sàng đổi mới kiểm tra, đánh giá, đánh giá theo hướng chuẩn hoá nhằm nâng cao chất lượng dạy học, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.



## C. NỘI DUNG

### Nội dung 1

#### NHỮNG VĂN ĐỀ CƠ BẢN VỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH

##### I. MỤC TIÊU

Sau khi học xong nội dung này, học viên sẽ:

- Phân biệt được khái niệm liên quan tới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và mối quan hệ giữa chúng.
- Xác định được vai trò, chức năng, yêu cầu của kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.
- Nhận biết được các xu hướng đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập hiện nay và có ý thức tích cực thực hiện đổi mới kiểm tra, đánh giá, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục.

##### II. CÁC HOẠT ĐỘNG

###### **Hoạt động 1: Phân biệt một số khái niệm về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh.**

Bạn đã từng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh, hãy nhớ lại và viết ra quan điểm của mình về một số khái niệm sau:

\* *Kết quả học tập là gì?*

\* *Kiểm tra là gì?*

\* *Đo lường là gì?*

\* *Dánh giá là gì?*

\* *Mối quan hệ giữa kiểm tra, đo lường và đánh giá như thế nào?*

Bạn hãy đối chiếu những nội dung vừa viết với những thông tin dưới đây để hiểu rõ hơn về một số khái niệm về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh.

#### THÔNG TIN PHẢN HỒI

Kết quả học tập thể hiện chất lượng của quá trình dạy học, nó chỉ xuất hiện khi có những biến đổi tích cực trong nhận thức, hành vi của người học. Kết quả học tập được hiểu theo hai nghĩa trong khoa học cũng như trong thực tế: *thứ nhất* là mức độ mà người học đạt được so với các mục tiêu đã xác định; *thứ hai* là mức độ mà người học đạt được so sánh với những người cùng học khác như thế nào.

Giáo viên phải thu thập được các thông tin về kết quả học tập của học sinh bằng cách quan sát, đặt câu hỏi để học sinh trả lời, cho học sinh làm bài kiểm tra viết. Tuy nhiên, những thông tin thu được đó chưa thể đi đến kết luận khi chưa đối chiếu chúng với một tiêu chuẩn hay tiêu chí

nào đó. Quá trình thu thập thông tin đó chính là quá trình kiểm tra. Như vậy, kiểm tra là quá trình thu thập thông tin làm cơ sở cho đánh giá.

Các thông tin thu được cần đối chiếu với các tiêu chuẩn, như đối chiếu câu trả lời với đáp án đúng, đối chiếu bài kiểm tra viết dạng tự luận với đáp án và thang điểm, đối chiếu các phương án trong bài làm của học sinh với đáp án đúng trong bài trắc nghiệm khách quan, đối chiếu biểu hiện của học sinh với thái độ tích cực của người học. Quá trình đối chiếu này chính là quá trình đo lường. Khái niệm đo lường nói chung là sự so sánh, đối chiếu. Đo lường kết quả là sự đối chiếu các thông tin thu được với tiêu chuẩn hoặc tiêu chí. Đo lường kết quả học tập có một số đặc trưng như: thể hiện cả ở định tính và định lượng, trực tiếp và gián tiếp. Việc đo lường này có tính phức tạp.

Trên cơ sở đối chiếu các thông tin thu được với tiêu chí, giáo viên có sự phân tích để đi đến kết luận, đó là đánh giá.

Đánh giá kết quả học tập là quá trình thu thập, xử lý thông tin về trình độ, khả năng mà người học thực hiện các mục tiêu học tập đã xác định, nhằm tạo cơ sở cho những quyết định sư phạm của giáo viên, cho nhà trường và cho bản thân học sinh để giúp họ học tập tiến bộ hơn. Như vậy, đánh giá kết quả học tập của học sinh là đánh giá mức độ hoàn thành các mục tiêu đề ra cho học sinh sau một giai đoạn học tập. Các mục tiêu này thể hiện ở từng môn học cụ thể. Thông qua đánh giá kết quả học tập của học sinh sẽ thể hiện được kết quả của quá trình giáo dục và đào tạo.

Trong mối quan hệ giữa kiểm tra, đánh giá và đo lường, nếu đánh giá là một quá trình thi kiểm tra, đo lường là một bộ phận của quá trình đó. Để đánh giá được, cần thu thập thông tin, đối chiếu, so sánh và đi đến kết luận phù hợp.

## **Hoạt động 2: Xác định mục đích, chức năng của kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.**

Dựa vào hiểu biết và kinh nghiệm của bản thân về các hình thức kiểm tra, đánh giá sau:

- Kiểm tra, đánh giá vào đầu năm học mới;
- Kiểm tra vấn đáp đầu giờ học, các bài kiểm tra 15 phút;
- Kiểm tra 1 tiết;
- Kiểm tra, đánh giá để chọn học sinh giỏi ở từng môn học;
- Kiểm tra cuối học kì, cuối năm học.

Bạn hãy viết ra những suy nghĩ của mình để thực hiện một số yêu cầu sau:

- \* *Mục đích chính của mỗi hình thức kiểm tra, đánh giá trên là gì?*

- \* *Từ các hình thức kiểm tra, đánh giá trên, hãy nêu các chức năng của kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh, có minh họa bằng thực tiễn.*

Bạn hãy đổi chiếu những nội dung vừa viết với những thông tin dưới đây và tự hoàn thiện những nội dung đã viết.

## THÔNG TIN PHÂN HỘI

### \* *Kiểm tra, đánh giá hướng vào nhiều mục đích khác nhau*

Cho học sinh làm bài kiểm tra đầu năm để xác định trình độ của từng học sinh trước khi bước vào năm học, mục đích chính là chẩn đoán về học lực của học sinh để có cách tác động phù hợp.

Kiểm tra vấn đáp đầu giờ học, kiểm tra 15 phút trong quá trình dạy học giúp cho giáo viên thường xuyên có được thông tin về học tập của học sinh, tìm ra những khó khăn, những thiếu sót trong học tập của học sinh để giúp họ học tốt hơn, hỗ trợ cho quá trình dạy học.

Kiểm tra 1 tiết giúp cho giáo viên định kì có được những thông tin để biết được tiến bộ của học sinh. Thông tin đó cũng giúp cho giáo viên điều chỉnh cách dạy của mình. Mục đích chính là hỗ trợ cho dạy và học có hiệu quả hơn.

Kiểm tra, đánh giá để chọn học sinh giỏi ở từng môn học có mục đích chính là lựa chọn và xếp loại về thành tích học tập của học sinh, dự đoán tiềm năng của học sinh để có những tác động hợp lý nhằm nuôi dưỡng, phát triển tiềm năng đó.

Kiểm tra cuối học kì, cuối năm học để xác định mức độ học sinh đạt được các mục tiêu học tập đã xác định trong chương trình học.

### \* *Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh có các chức năng:*

- Chức năng xác nhận.
  - + Đánh giá thực hiện chức năng xác nhận là nhằm xác định mức độ mà người học đạt được các mục tiêu học tập, đồng thời làm căn cứ cho những quyết định phù hợp.
  - + Chức năng này có ý nghĩa quan trọng về nhiều mặt, đặc biệt là về mặt xã hội. Đánh giá xác nhận bộc lộ tính hiệu quả của quá trình giáo dục và đào tạo.
  - + Đánh giá xác nhận cung cấp những số liệu để thừa nhận hay bác bỏ sự hoàn thành hay chưa hoàn thành khoá học, chương trình học hoặc môn học để đi đến quyết định là cấp chứng chỉ, cấp bằng hoặc cho lên lớp... Nó đòi hỏi phải thiết lập một ngưỡng trình độ tối thiểu và xác định vị trí kết quả của người học với ngưỡng này, đồng thời đòi hỏi người học phải

đạt được mức độ tối thiểu các mục tiêu đã xác định. Do vậy, điều quan trọng là đưa ra được một ngưỡng trình độ tối thiểu.

- + Dánh giá xác nhận cũng có thể nhằm xếp loại người học theo mục đích nào đó nhằm phân biệt trình độ khác nhau giữa học sinh này với học sinh khác để xếp hạng hay tuyển chọn, do đó một tiêu chuẩn tối thiểu nào đó cần vượt qua không quan trọng bằng sự đối chiếu giữa các học sinh với nhau.
- + Công cụ để đánh giá xác nhận là các bài kiểm tra, thi xác định trình độ. Chúng thường được tiến hành sau một giai đoạn học tập. Đánh giá này mang tính tổng hợp, do vậy việc chọn mẫu nội dung đánh giá phải đặc trưng cho kiến thức của cả một quá trình học tập nhất định, việc đánh giá cần lập kế hoạch cẩn thận và tiến hành theo một quy trình hợp lý.
- + Kết quả của đánh giá xác nhận cũng có thể được đối chiếu với những kết quả đánh giá đầu tiên. Sự so sánh này không chỉ là để quan sát quá trình tiến triển và xu hướng chung của thành tích mà còn để biết quá trình giáo dục và đào tạo có hiệu quả hoặc chưa có hiệu quả, còn thiếu sót ở những mặt nào.
- **Chức năng định hướng.**
- + Kết quả đánh giá có thể đo lường và dự báo trước khả năng của học sinh có thể đạt được trong quá trình học tập, đồng thời xác định những điểm mạnh và yếu của học sinh, giúp cho giáo viên thu thập được các thông tin về học sinh như kiến thức, kỹ năng, hứng thú của học sinh đối với môn học, xem xét về sự khác biệt giữa các học sinh.
- + Dánh giá này giúp cho giáo viên đưa ra những quyết định liên quan tới các vấn đề như lập kế hoạch, chuẩn bị nội dung, phương pháp giảng dạy và các yếu tố khác trên cơ sở căn cứ vào khả năng, hứng thú học tập của học sinh. Đồng thời giúp cho giáo viên có thể chọn cách dạy phù hợp với khả năng của học sinh, giúp cho học sinh có thể lựa chọn con đường học tập, phương pháp, tài liệu, các hình thức học tập... phù hợp.
- + Việc đánh giá này cũng làm cơ sở cho việc lựa chọn bối cảnh năng khiếu, hay xếp nhóm để có những tác động có hiệu quả. Để thực hiện chức năng định hướng, giáo viên có thể tiến hành một số phương pháp như nghiên cứu hồ sơ của học sinh. Việc nghiên cứu hồ sơ giúp giáo viên có được những thông tin cơ bản về học sinh để hiểu học sinh nhanh hơn, dự đoán triển vọng của học sinh, cho phép việc giảng dạy diễn ra nhanh hơn. Tất nhiên, những thông tin cũng có thể cũ và có thể tạo ấn tượng ban đầu chưa thật chính xác, do vậy cần thận trọng khi

dùng thông tin cũ để bắt đầu cho việc giảng dạy. Việc đánh giá này thường diễn ra ở giai đoạn trước khi giảng dạy, thể hiện ở những bài kiểm tra đầu năm, có thể là những bài thử sức vào đầu năm, nhằm xác định mức độ nắm tri thức ở người học để dự kiến những khó khăn, từ đó có cách thức tác động phù hợp.

- Chức năng hỗ trợ.
- + Đánh giá thực hiện chức năng hỗ trợ là chẩn đoán, điều chỉnh để hỗ trợ việc học tập, giúp cho quá trình dạy học có hiệu quả. Quá trình dạy học thường diễn ra trong một thời gian khá dài, do đó học sinh thường khó bảo toàn tất cả kiến thức đã thu được, đó là tình trạng rói rụng kiến thức. Tình trạng này ngày càng tăng do khối lượng kiến thức tăng lên. Như vậy, vấn đề không chỉ là đưa ra một tiến trình học tập cho người học mà phải xem xét đến các giai đoạn của tiến trình này để các giai đoạn đó được kết nối với nhau nhờ sự đánh giá. Chúng được thực hiện theo một tuyến hành trình (các mục tiêu, các tình huống học tập, các đánh giá bộ phận).
- Đánh giá thực hiện chức năng hỗ trợ đòi hỏi phải có cách xử lý thông tin để vừa có tính chất thâu tóm đối với các thời điểm khác nhau của quá trình học tập (kiểm điểm lại quá trình học tập trước đây của mình), vừa có tính chất thúc đẩy, củng cố, mở rộng chất lượng vốn kiến thức, chính lí, sửa chữa và nâng cao. Nó cho phép tạo lập mối liên hệ chặt chẽ giữa chất lượng của hành trình đã thực hiện được với yêu cầu của hành trình.
- Đánh giá hỗ trợ cho học tập đòi hỏi giáo viên và học sinh cùng tham gia tổ chức để đảm bảo cho sự thành công của quá trình dạy học. Với chức năng hỗ trợ, đánh giá sẽ đặt học sinh đúng trước trình độ học lực của họ, đồng thời tạo điều kiện giúp đỡ cho họ cải thiện, nâng cao về số lượng và chất lượng tri thức. Thông qua đánh giá sẽ xác định được thiếu sót của từng học sinh và giúp đỡ họ khắc phục. Các bài kiểm tra với mục đích này có tính chất chẩn đoán, tổng số điểm của bài kiểm tra là quan trọng thứ yếu, điều cơ bản là phải theo dõi những thiếu sót trong bài làm đó để tìm ra những khó khăn và giúp cho học sinh vượt qua.
- Các phương pháp đánh giá được sử dụng để thực hiện chức năng hỗ trợ thường bao gồm việc quan sát thái độ học tập hàng ngày của học sinh, đặt câu hỏi cho học sinh trả lời, giao các bài tập về nhà, theo dõi việc hoàn thành các nhiệm vụ học tập, thông tin phản hồi của giáo viên cho học sinh. Những đánh giá này thường được sử dụng rất linh hoạt trong những tình huống cụ thể. Đánh giá nhằm chẩn đoán được tiến hành thường xuyên và cung cấp cho học sinh những tín hiệu ngược về sự học tập của họ, từ đó giúp họ điều chỉnh cách học cho phù hợp.

### **Hoạt động 3: Thực hiện các bước cơ bản trong kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh.**

Dựa vào hiểu biết và kinh nghiệm của bản thân, bạn hãy nhớ lại và viết ra suy nghĩ của mình về việc thực hiện các bước kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh:

\* Xác định mục đích đánh giá:

\* Trình bày các tiêu chuẩn đánh giá:

\* Thu thập các thông tin đánh giá:

\* Đổi chiếu các tiêu chuẩn với các thông tin đã thu thập:

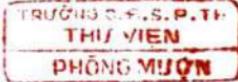
\* Kết luận và đưa ra những quyết định:

Căn cứ vào các bước cơ bản ở trên, hãy thực hành thiết lập các bước cụ thể để kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở một môn học.

Bạn hãy đối chiếu những nội dung vừa viết với những thông tin dưới đây và tự hoàn thiện nội dung các bước kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh. Trên cơ sở xây dựng quy trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở một môn học mà bạn đang dạy.

#### THÔNG TIN PHÂN HỒI

- **Xác định mục đích đánh giá:** Đòi hỏi phải xác định được: Đánh giá để làm gì? Kết quả đánh giá sẽ được sử dụng như thế nào? Ai sử dụng kết quả đánh giá này?
- Xác định xem quyết định nào sẽ được đưa ra: Đánh giá nhằm để chứng nhận (xem học sinh có đủ khả năng và kiến thức cần thiết để học tiếp không); Đánh giá nhằm xếp loại (được tiến hành mỗi khi cần tuyển chọn); Đánh giá chẩn đoán (những kết luận đưa ra là nhằm điều chỉnh); Đánh giá tiên đoán (dự báo tiềm năng của học sinh).
- **Xác định các tiêu chuẩn/tiêu chí đánh giá:** Đề trình bày được các tiêu chuẩn đánh giá, vấn đề quan trọng là cần xác định được các mục tiêu đánh giá. Mục tiêu cung cấp những vật chứng và những tiêu chí để đánh giá bao gồm: những mục tiêu tổng quát, những mục tiêu trung gian; những mục tiêu chuyên biệt. Đây là những mục tiêu có thể quan sát được, đo lường được theo một tiêu chí xác định. Có ba lĩnh vực của mục tiêu là kiến thức, kỹ năng, thái độ. Đánh giá sẽ có giá trị nếu các tiêu chuẩn đều rõ ràng (tức là có thể đánh giá được đúng những gì cần đánh giá). Việc thông báo rõ các tiêu chuẩn đánh giá cho những người đánh giá và những đối tượng được đánh giá sẽ giảm bớt sự phản đối có thể xảy ra trong đánh giá.
- **Thu thập các thông tin đánh giá:** Trên cơ sở mục đích và mục tiêu đã xác định, xác định những thông tin cần thu thập, lựa chọn các phương pháp, các công cụ và và kỹ thuật đánh giá cho phù hợp.
- **Đối chiếu các tiêu chuẩn với các thông tin đã thu thập:** Nếu các giai đoạn trước được thực hiện tốt thì giai đoạn này sẽ không khó khăn.



- **Kết luận và đưa ra những quyết định:** Sau khi phân tích về định tính và định lượng, cần hình thành kết luận thật chính xác, từ đó đi đến những quyết định phù hợp.

**Hoạt động 4: Xác định các yêu cầu đối với kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và tìm hiểu xu hướng đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập hiện nay.**

Dựa trên hiểu biết và kinh nghiệm thực tiễn của mình, bạn có thể làm rõ một số vấn đề sau:

- \* *Những nguyên nhân dẫn đến thiếu khách quan, thiếu chính xác trong kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh.*
- \* *Nêu ra những yêu cầu để kiểm tra, đánh giá kết quả học tập có tính khách quan và mang lại hiệu quả cho quá trình dạy học.*

- \* Với kinh nghiệm thực tiễn và những tiếp cận với thông tin mới, bạn cho rằng đánh giá kết quả học tập hiện nay cần được đổi mới như thế nào?

Đánh giá	Hiện nay	Nên đổi mới
Các mục đích chính		
Nội dung đánh giá		
Phương pháp đánh giá		
Công cụ đánh giá		
Hình thức đánh giá		
Tiêu chí đánh giá		
Chủ thể đánh giá		

Bạn hãy đối chiếu những nội dung vừa viết với những thông tin dưới đây và tự hoàn thiện những nội dung đã viết.

#### THÔNG TIN PHẢN HỒI

- \* *Những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự thiếu quan, thiếu chính xác trong kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh*

Thường thể hiện ở:

- Công cụ kiểm tra, đánh giá;
- Tổ chức kiểm tra, đánh giá;
- Tâm trạng, sức khoẻ của các đối tượng được kiểm tra, đánh giá;
- Chủ quan của các chủ thể tham gia vào kiểm tra, đánh giá.
- \* *Yêu cầu đối với kiểm tra, đánh giá*
- Đảm bảo sự phù hợp của phương pháp đánh giá với các mục tiêu học tập.

Yêu cầu này đòi hỏi các phương pháp đánh giá được lựa chọn và sử dụng phải đo lường được các mục tiêu học tập đã xác định. Mục tiêu chưa đựng những kết quả đã dự kiến trước. Đánh giá kết quả học tập chủ yếu là do xem những mục tiêu học tập đã đạt được ở mức độ nào, đồng thời cho biết mục tiêu đó đo bằng cách nào. Các mục tiêu học tập rất đa dạng và được đánh giá bằng các phương pháp khác nhau. Mặt khác, các phương pháp đánh giá cũng đa dạng và mỗi phương pháp chỉ đánh giá

tốt một số mục tiêu nhất định, do vậy để đánh giá được các mục tiêu, cần có những phương pháp đánh giá phù hợp.

Để lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp, khi đánh giá cần hiểu rõ các phương pháp đánh giá được lựa chọn, hiểu rõ về ưu điểm và hạn chế của phương pháp, cách tiến hành phương pháp, biết được sự phù hợp của từng phương pháp trong việc đo lường các mục tiêu học tập. Chẳng hạn, việc chấm điểm đối với bài tự luận tốn nhiều thời gian, công sức hơn và điểm số cũng có độ tin cậy thấp hơn so với chấm bài trắc nghiệm khách quan; hay các bài viết tự luận đo lường và đánh giá tốt các kỹ năng về lập luận, khả năng tổ chức, sắp xếp, giải quyết, đưa ra ý tưởng mới, hoặc quan sát để đánh giá được sự thuần thực và kỹ năng... Nếu không hiểu rõ các phương pháp đánh giá sẽ tốn nhiều thời gian và công sức cho việc đánh giá nhưng kết quả lại kém tin cậy.

- Yêu cầu đảm bảo tính giá trị.

Tính giá trị đòi hỏi phải đánh giá và đo lường được đúng các mục tiêu định đo. Như vậy trong đánh giá, những thông tin thu được phải là những bằng chứng để đi đến những kết luận phù hợp, nó thể hiện ở việc thiết kế công cụ đánh giá. Chẳng hạn, một bài kiểm tra có thể có giá trị cao khi muốn đo lường khả năng nhớ lại các sự kiện, nhưng lại không có giá trị cao khi đo lường khả năng phân tích hay lập luận và không có giá trị khi đo lường khả năng tính toán. Để đánh giá có giá trị, cần phải có sự phân tích về mặt chuyên môn để xác định rằng một công cụ được xây dựng là thích hợp cho việc đo lường các mục tiêu.

Việc xác định giá trị của công cụ đánh giá kết quả học tập chủ yếu là xác định được những bằng chứng liên quan tới nội dung. Trước hết phải đi từ các mục tiêu học tập, đồng thời nội dung đánh giá phải xuất phát từ nội dung trong chương trình quy định và tương ứng với trình độ nhận thức của học sinh. Phải có một danh mục các mục tiêu được thiết kế mượt mà, chi tiết, cụ thể, rõ ràng mà học sinh cần đạt được, trong đó bao gồm cả những mục tiêu nhỏ sẽ đưa vào kiểm tra, đánh giá. Đồng thời, cần xây dựng được bản kế hoạch để mô tả chi tiết các nội dung cần đánh giá, từ đó xem xét nội dung nào sẽ được lấy mẫu cho các mục tiêu.

- Yêu cầu đảm bảo tính tin cậy.

Tính tin cậy chỉ sự chính xác của đánh giá, tức là phản ánh đúng kết quả học tập của người học như nó tồn tại trên cơ sở đối chiếu với mục tiêu đã đề ra. Tính tin cậy cho biết những kết quả đánh giá ở những thời điểm khác nhau đều cho những kết quả tương tự.

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến tính tin cậy của đánh giá. Chẳng hạn, những yếu tố bên trong như: sức khoẻ, tâm trạng, động cơ, nhận thức, kĩ năng thực hiện của đối tượng đánh giá. Những yếu tố từ bên ngoài như: chất lượng của công cụ đánh giá, hướng dẫn làm bài, điều kiện môi trường diễn ra quá trình thực hiện đo lường và đánh giá. Để nâng cao tính tin cậy của đánh giá, cần lưu ý: hạn chế được các yếu tố chủ quan của người đánh giá; đảm bảo các bước của quy trình đánh giá; hạn chế tối đa những ảnh hưởng từ bên ngoài; các đánh giá phải có kết quả nhất quán; giáo dục cho học sinh ý thức, động cơ đúng đắn đối với kiểm tra, đánh giá; hình thành cho học sinh kĩ năng tự kiểm tra, tự đánh giá.

- Yêu cầu đảm bảo công bằng.

Phải tạo điều kiện cho tất cả học sinh có cơ hội như nhau để thể hiện kết quả học tập và kết quả đánh giá phải thể hiện đúng kết quả học tập của họ.

Để thực hiện yêu cầu này, cần lưu ý:

- + Không có sự phân biệt và thiên vị khi đánh giá;
  - + Không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố chủ quan khi đánh giá;
  - + Tránh những ảnh hưởng từ các yếu tố như chủng tộc, giới tính, nguồn gốc, dân tộc, địa vị kinh tế – xã hội, môi trường sống. Những yếu tố này cần tránh không chỉ trong quá trình đánh giá của giáo viên mà ngay cả trong nội dung của các bài kiểm tra, đánh giá;
  - + Cần cho tất cả học sinh được biết về phạm vi sẽ đánh giá nhằm giúp học sinh định hướng trong quá trình học tập, ôn tập, tất nhiên không phải là những nội dung đánh giá cụ thể;
  - + Giúp cho học sinh có kĩ năng để làm bài kiểm tra trước khi tiến hành kiểm tra, đánh giá, chẳng hạn biết cách xem xét cẩn thận những chỉ dẫn khi làm bài, hoặc biết cách lựa chọn những phần nào làm trước, phần nào làm sau, điều này có thể gây thiệt thòi đối với những học sinh chưa có kĩ năng làm bài.
- Yêu cầu đảm bảo tính hiệu quả.

Dảm bảo tính hiệu quả của đánh giá là:

- + Đánh giá phải phù hợp với công sức và thời gian tiến hành kiểm tra, đánh giá. Thông thường, đánh giá với sự chi phí ít nhưng đảm bảo giá trị và tin cậy sẽ là có hiệu quả.
- + Để nâng cao hiệu quả đánh giá, cần có sự phù hợp về thời gian sử dụng để thực hiện quá trình đánh giá, bao gồm thời gian chuẩn bị, thời gian

tổ chức thực hiện, thời gian chấm điểm, công bố kết quả. Tuy nhiên, thời gian cho mỗi khâu này là khác nhau đối với mỗi phương pháp sử dụng để đánh giá.

- + **Đánh giá phải tạo ra động lực để đối tượng được đánh giá vươn lên, có tác dụng thúc đẩy các mặt tốt, hạn chế mặt tiêu cực.** Kết quả học tập của mỗi học sinh trong quá trình học tập thể hiện trình độ nhận thức riêng của học sinh đó. Kết quả này thể hiện ở điểm số của các bài kiểm tra chính thức, đó là căn cứ để đưa ra kết luận về kết quả học tập của người học. Tuy nhiên, trong suốt quá trình học tập, những kết quả đánh giá không chính thức chỉ phản ánh một thời điểm của hoạt động nhận thức, thông qua đó giáo viên liên tục thu thập thông tin để giúp học sinh điều chỉnh hoạt động học tập, tiếp tục nỗ lực phấn đấu vươn lên không ngừng để đạt được mục tiêu học tập. Do vậy đòi hỏi đánh giá không chính thức phải linh hoạt, mềm dẻo, có tác dụng khích lệ, động viên, tạo động lực cho sự học tập của học sinh. Tính mềm dẻo không có nghĩa là bỏ qua chuẩn về chất lượng mà nó là sự điều chỉnh linh hoạt ở từng thời điểm học tập đảm bảo cho chất lượng và hiệu quả chung của cả quá trình.
- + **Tiêu chí đánh giá cũng như kết quả đánh giá phải được công bố công khai và kịp thời cho học sinh.**

Trong quá trình đánh giá kết quả học tập, tất cả các yêu cầu trên có mối quan hệ với nhau, chúng cần phải được thực hiện đồng thời nhằm thực hiện tốt các chức năng của đánh giá.

- \* **Các xu hướng đổi mới kiểm tra, đánh giá kết quả học tập hiện nay**  
Đánh giá kết quả học tập phải dựa vào các bằng chứng được thu thập từ nhiều hoạt động khác nhau. Các phương pháp đánh giá rất đa dạng như: kiểm tra tự luận, trắc nghiệm khách quan, vấn đáp, thực hành... Các phương pháp phải được lựa chọn, sử dụng phù hợp với mục tiêu dạy học và tuân thủ những nguyên tắc nhất định. Nó phải là bộ phận khăng khít của quá trình dạy học. Ngày nay, xu hướng của đánh giá kết quả học tập là:
  - Chuyển dần trọng tâm từ việc đánh giá kết quả cuối cùng sang đánh giá cả quá trình, đảm bảo cho việc đánh giá toàn diện hơn, đầy đủ hơn nội dung môn học, giúp học sinh có nhiều cơ hội hơn để thể hiện mình và giảm bớt sức ép từ việc kiểm tra, đánh giá.
  - Từ đánh giá các kỹ năng riêng lẻ, các sự kiện sang các kỹ năng tổng hợp. Không phải chỉ là đánh giá khả năng nhớ và hiểu mà còn đánh giá khả

- nâng hiểu sâu, lập luận, đánh giá kĩ năng vận dụng kiến thức, nhấn mạnh đến kĩ năng tư duy, làm việc nhóm.
- Từ đánh giá dựa trên ít thông tin sang đánh giá dựa trên nhiều thông tin đa dạng, người học tự đánh giá và đánh giá từ các chủ thể khác nhau.
  - Chuyển từ xem xét đánh giá như là một hoạt động độc lập với quá trình dạy học sang là một bộ phận tích hợp của quá trình dạy học. Chúng được tiến hành liên tục trong quá trình giảng dạy nhằm giúp cho giảng viên có những quyết định phù hợp trong các thời điểm giảng dạy, giúp sinh viên tích cực hơn trong học tập.
  - Kiểm tra, đánh giá chuyển từ việc giữ kín tiêu chuẩn, tiêu chí sang công khai các tiêu chuẩn và tiêu chí đánh giá.

### **III. BÀI TẬP ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG 1**

1. Trình bày cách hiểu của bạn về: kiểm tra, đánh giá, đo lường kết quả học tập. Chỉ ra các đặc trưng của đo lường kết quả học tập, minh họa những đặc trưng này trong thực tiễn kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở trường THCS.
2. Phân tích vai trò của đánh giá kết quả học tập, minh họa bằng thực tiễn để chứng minh cho vai trò đã phân tích.
3. Các chức năng của đánh giá kết quả học tập là gì? Dưa ra các minh họa cụ thể để chứng minh cho từng chức năng của đánh giá.
4. Nhận xét việc thực hiện các chức năng của đánh giá kết quả học tập của học sinh trong thực tiễn ở nhà trường mà bạn được biết.
5. Phân tích các yêu cầu đối với kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh THCS.
6. Đánh giá thực trạng việc thực hiện các yêu cầu về đánh giá kết quả học tập của học sinh ở nhà trường hiện nay.
7. Đề xuất biện pháp nâng cao hiệu quả đánh giá kết quả học tập của học sinh THCS.

## Nội dung 2

### CÁC PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH

#### I. MỤC TIÊU

- Mô tả các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh THCS.
- Vận dụng được các phương pháp kiểm tra, đánh giá để kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh phù hợp với môn học cụ thể.
- Thực hiện quá trình kiểm tra, đánh giá phù hợp với xu hướng đổi mới kiểm tra, đánh giá hiện nay.

#### II. CÁC HOẠT ĐỘNG

##### Hoạt động 1: Xác định ưu điểm và hạn chế của từng phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh ở trường THCS.

- Nêu khái niệm và chỉ ra những ưu điểm và hạn chế của từng phương pháp thường được sử dụng trong môn học mà bạn giảng dạy qua việc hoàn thành bảng sau:

Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Khái niệm, ưu điểm và hạn chế		
	Khái niệm	Ưu điểm	Hạn chế
Làm bài viết dạng tự luận			
Làm bài trắc nghiệm khách quan			
Quan sát			

Vấn đáp			

- \* Từ thực tiễn kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở môn học mà anh (chị) đang giảng dạy, hãy hoàn thành bảng sau:

Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Mức độ sử dụng			
	Thường xuyên	Ít khi	Không bao giờ	Mục đích sử dụng và trong trường hợp nào?
Làm bài viết dạng tự luận				
Làm bài trắc nghiệm khách quan				
Quan sát				
Vấn đáp				

Bạn hãy đổi chiều những nội dung vừa viết với những thông tin dưới đây và tự hoàn thiện những nội dung đã viết.

## THÔNG TIN PHẢN HỒI

### 1. Phương pháp kiểm tra viết dạng tự luận

#### a) Khái niệm

Một bài kiểm tra viết dạng tự luận thường có ít câu hỏi, mỗi câu hỏi phải viết nhiều câu để trả lời và cần phải có nhiều thời gian để trả lời mỗi câu, cho phép một sự tự do tương đối để trả lời các vấn đề đặt ra.

Kiểm tra viết dạng tự luận là phương pháp dùng bài kiểm tra viết dạng tự luận để đo lường mức độ mà cá nhân đạt được ở một lĩnh vực cụ thể.

Câu trả lời thể hiện ở hai dạng: (1) Câu có sự trả lời mở rộng: Là loại câu có phạm vi rộng và khái quát, học sinh tự do biểu đạt tư tưởng và kiến thức; (2) Câu tự luận trả lời có giới hạn: Các câu hỏi được diễn đạt chi tiết, phạm vi câu hỏi được nêu rõ để người trả lời biết được độ dài ước chừng của câu trả lời. Bài kiểm tra với loại câu này thường có nhiều câu hỏi hơn bài có câu tự luận có sự trả lời mở rộng.

#### b) Ưu điểm

- Bài kiểm tra viết dạng tự luận có khả năng đo lường được các mục tiêu cần thiết, có thể đo lường và đánh giá tốt ở mức độ hiểu, tổng hợp, đánh giá.
- Kiểm tra viết dạng tự luận là phương pháp rất có hiệu quả để đánh giá mức độ hiểu sâu, khả năng nắm bắt thông tin phức tạp, yêu cầu phải giải thích các quy trình hoặc kết hợp các sự kiện riêng lẻ lại thành một chính thể có ý nghĩa.
- Câu hỏi dạng tự luận khi được soạn một cách cẩn thận có thể tạo điều kiện để học sinh bộc lộ khả năng suy luận, sắp xếp dữ kiện, khả năng phê phán, đưa ra những ý tưởng mới. Tuy nhiên, giáo viên cần chuẩn bị trước cho học sinh thể hiện và học sinh cũng biết rằng mục đích chính của bài kiểm tra là để chứng minh được những năng lực đã nêu.
- Bài kiểm tra với dạng câu tự luận thường dễ chuẩn bị và mất ít thời gian hơn so với các loại câu trắc nghiệm khách quan. Tuy nhiên, để có được câu tự luận hay vẫn đòi hỏi thời gian chuẩn bị cẩn thận.

#### c) Hạn chế

- Một bài kiểm tra viết với dạng bài tự luận thường có số lượng ít câu hỏi, do đó khó cung cấp một mẫu tổng thể về lượng kiến thức cần đánh giá, tức là khó đại diện đầy đủ cho nội dung.

- Khi làm bài kiểm tra viết tự luận, học sinh thường tập trung vào học các chủ đề, thể loại, các mối quan hệ và cách tổng hợp, sắp xếp thông tin.
- Việc chấm điểm bài tự luận thường khó khăn và tốn nhiều thời gian, đặc biệt là khi muốn đưa ra những kết luận thật chính xác và có hiệu quả về khả năng của học sinh.
- Khó xác định các tiêu chí đánh giá hơn trắc nghiệm khách quan. Bài kiểm tra khó đánh giá được một cách tuyệt đối là đúng hay sai, việc đánh giá chủ yếu phản ánh mức độ giá trị của bài.
- Quá trình chấm điểm có rất nhiều yếu tố làm thiên lệch điểm số, chẳng hạn như: sự khắt khe ở mỗi người, tâm trạng, sự mệt mỏi, sự dâng trí, đặc biệt là trình độ chuyên môn... Chính vì vậy mà điểm số có độ tin cậy không cao.

## **2. Phương pháp trắc nghiệm khách quan**

### **a) Khái niệm**

Một bài trắc nghiệm khách quan thường bao gồm nhiều câu hỏi, mỗi câu thường được trả lời bằng một dấu hiệu đơn giản, hay một từ hoặc một cụm từ.

Trắc nghiệm khách quan là phương pháp dùng bài trắc nghiệm khách quan để đo lường mức độ mà cá nhân đạt được các mục tiêu đặt ra.

Các loại câu trắc nghiệm khách quan bao gồm:

- Loại câu nhiều lựa chọn: Là loại câu thông dụng nhất, còn gọi là câu đa phương án, gồm hai phần: phần câu dẫn và phần lựa chọn. Phần câu dẫn là một câu hỏi hay một câu bò lủng (câu chưa hoàn tất) tạo cơ sở cho sự lựa chọn. Người trả lời sẽ chọn một phương án trả lời duy nhất đúng hoặc đúng nhất, hoặc không có liên quan gì nhất trong số các phương án cho trước. Những phương án còn lại là phương án nhiễu.
- Loại câu đúng – sai: Câu trắc nghiệm loại này thường bao gồm một câu phát biểu để phán đoán và đi đến quyết định là đúng hay sai.
- Loại câu điền vào chỗ trống: Loại câu này đòi hỏi trả lời bằng một hay một cụm từ cho một câu hỏi trực tiếp hay một câu nhận định chưa đầy đủ.
- Câu ghép đôi: Loại câu này thường bao gồm hai dây thông tin gọi là các câu dẫn và các câu đáp. Hai dây thông tin này có số câu không bằng nhau, một dây là danh mục gồm các tên hay thuật ngữ và một dây là

danh mục gồm các định nghĩa, đặc điểm... Nhiệm vụ của người làm bài là ghép chúng lại một cách thích hợp.

#### b) **Ưu điểm**

- Sử dụng phương pháp trắc nghiệm khách quan trong đánh giá kết quả học tập có khả năng đo được các mức độ của nhận thức (biết, hiểu, áp dụng, phân tích, tổng hợp, đánh giá).
- Điểm số có độ tin cậy cao.
- Bài trắc nghiệm bao quát được phạm vi kiến thức rộng nên đại diện được cho nội dung cần đánh giá.

#### c) **Hạn chế**

- Dùng bài trắc nghiệm khách quan sẽ khó khăn trong việc đo lường khả năng diễn đạt, sắp xếp, trình bày và đưa ra ý tưởng mới.
- Quá trình chuẩn bị câu hỏi trắc nghiệm khách quan là khó khăn và mất nhiều thời gian.
- Việc tiến hành xây dựng câu hỏi cần tuân theo những bước chặt chẽ hơn so với câu tự luận.

### 3. Phương pháp kiểm tra vấn đáp

#### a) **Khái niệm**

Kiểm tra vấn đáp là phương pháp hỏi và đáp giữa người dạy và người học nhằm làm sáng tỏ những tri thức mới, rút ra những kết luận cần thiết từ tài liệu đã học hoặc từ những kinh nghiệm đã được tích luỹ trong cuộc sống.

#### b) **Ưu điểm**

- Phương pháp kiểm tra vấn đáp được sử dụng trong quá trình dạy học, nếu được vận dụng khéo léo sẽ có tác dụng giúp cho giáo viên thu được tín hiệu ngược nhanh chóng ở mọi đối tượng học sinh, thúc đẩy học sinh học tập thường xuyên có hệ thống, kịp thời điều chỉnh hoạt động của mình và của học sinh. Phương pháp kiểm tra vấn đáp có thể sử dụng ở mọi thời điểm trong tiết học cũng như trong khi thi cuối học kì hoặc cuối năm học, học sinh cần trình bày, diễn đạt bằng ngôn ngữ nói.
- Phương pháp vấn đáp được dùng trong kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh, giúp cho giáo viên và học sinh biết được mức độ nắm tri thức của học sinh qua câu trả lời của họ, giúp kiểm tra tri thức của học sinh một cách nhanh chóng đồng thời giúp học sinh tự kiểm tra tri thức của mình một cách kịp thời.

- Kiểm tra vấn đáp kích thích học sinh tích cực, độc lập tư duy, tìm ra câu trả lời chính xác, đầy đủ, gọn gàng nhất, tức là tìm được câu trả lời tối ưu một cách nhanh chóng nhất.
- Nếu vận dụng khéo léo sẽ có tác dụng dễ điều khiển hoạt động nhận thức của học sinh, kích thích học sinh tích cực độc lập tư duy, bồi dưỡng cho học sinh năng lực diễn đạt bằng lời những vấn đề khoa học.

#### c) **Hạn chế**

- Phương pháp kiểm tra vấn đáp cũng có những hạn chế nhất định là nếu vận dụng không khéo léo sẽ mất thời gian, ảnh hưởng không tốt đến việc thực hiện kế hoạch.
- Nếu đặt câu hỏi khó hiểu, không rõ ràng, thiếu chính xác, hoặc câu hỏi quá khó, hoặc việc dẫn dắt học sinh trả lời không khéo... thì cuộc vấn đáp có thể kém hiệu quả.
- Khi sử dụng phương pháp kiểm tra vấn đáp để đánh giá chính thức thì học sinh không có cơ hội được hỏi những câu hỏi như nhau khi cần so sánh và đối chiếu.
- Kết quả cũng phụ thuộc vào nhiều yếu tố chủ quan của người hỏi cũng như tâm trạng, sự bình tĩnh của người trả lời.

### **4. Phương pháp quan sát**

#### a) **Khái niệm**

Quan sát (nói chung) là thu thập thông tin về đối tượng nào đó bằng cách tri giác trực tiếp đối tượng và các nhân tố có liên quan trực tiếp đến đối tượng.

Trong dạy học, quan sát trực tiếp và có hệ thống là để thu thập thông tin đánh giá học sinh chủ yếu về kĩ năng, thái độ.

Đánh giá kĩ năng bao gồm đánh giá cách thức tiến hành hoạt động và đánh giá sản phẩm. Đánh giá cách thức là đánh giá các bước vận dụng lý thuyết vào thực hành. Đánh giá sản phẩm là đánh giá kết quả cuối cùng.

#### b) **Ưu điểm**

- Quan sát là phương pháp thuận lợi để đánh giá về mặt thái độ, kĩ năng.
- Cung cấp cho giáo viên những thông tin bổ sung có giá trị mà những thông tin này khó có thể có được bằng các phương pháp khác.

- Đánh giá sản phẩm và kỹ năng trọng tâm là hướng vào những gì học sinh đã làm nên học sinh có cơ hội thể hiện những điều đã học theo những cách khác nhau, do đó cũng thể hiện được sự sáng tạo.

#### c) Hạn chế

- Kết quả quan sát phụ thuộc nhiều vào các yếu tố chủ quan của người quan sát.
- Thu được những biểu hiện trực tiếp, bề ngoài.
- Số lượng quan sát không nhiều.
- Thường mất nhiều thời gian soạn những bài tập hay, xây dựng tiêu chí đánh giá.
- Học sinh cần có đủ thời gian để hoàn thành nhiệm vụ được giao.
- Giáo viên cần có thời gian quan sát, đánh giá và cũng cần nhiều thời gian để thông tin phản hồi lại cho từng học sinh.

#### **Hoạt động 2: Xác định các yêu cầu khi sử dụng các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập phù hợp với các mục tiêu học tập.**

Dựa vào hiểu biết và kinh nghiệm của bản thân, bạn hãy viết ra suy nghĩ của mình để thực hiện những yêu cầu sau:

- \* *Xác định các yêu cầu cho việc sử dụng từng phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.*
- VỚI TỰ LUẬN:

- VỚI TRẮC NGHIỆM:

- Với vấn đáp:
  - Với quan sát:
- 
- \* Sử dụng trắc nghiệm khách quan và kiểm tra viết dạng tự luận trong những trường hợp nào?
  - \* Đánh giá việc thực hiện các yêu cầu trên trong thực tiễn kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh THCS hiện nay.

- \* Cho ý kiến để giúp giáo viên hiện tốt các yêu cầu trên.

Bạn hãy đọc những thông tin dưới đây để có thêm hiểu biết về những yêu cầu đối với từng phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh.

#### THÔNG TIN PHÂN HỒI

- \* Yêu cầu đối với phương pháp kiểm tra viết dạng bài tự luận:
  - Đối với câu hỏi kiểm tra:
    - + Cần được diễn đạt một cách rõ ràng.
    - + Chú ý đến cấu trúc về ngữ pháp.
    - + Từ ngữ lựa chọn phải chính xác.
    - + Nên thử nhiều cách đặt câu hỏi và lựa chọn cách đặt câu hỏi đơn giản nhất, tránh tăng mức độ khó của câu hỏi bằng cách diễn đạt câu phức tạp, tránh có những từ thừa hay những câu thừa.
    - + Cần xác định được thời gian cho việc trả lời câu hỏi. Đối với những câu trả lời giới hạn, có thể dễ ước lượng thời gian trả lời cho mỗi câu. Còn đối với những câu trả lời mở rộng, khó hơn trong việc ước lượng thời gian cần thiết thì câu hỏi cần đảm bảo cho học sinh viết chậm cũng có thể hoàn thành được bài viết.
    - + Một trong những cách có thể cải tiến câu tự luận để nâng cao độ tin cậy là tăng số câu hỏi trong bài kiểm tra, giảm độ dài ở phần trả lời của mỗi

câu. Những câu quá dài và tổng quát có thể phân ra làm nhiều câu hỏi ngắn, có giới hạn độ dài của mỗi câu.

- Khi tổ chức cho học sinh làm bài:
  - + Cần có những biện pháp để tránh được các yếu tố gây nhiễu từ bên ngoài.
  - + Tránh gian lận trong khi làm bài.
  - + Tạo sự bình tĩnh cho học sinh trong quá trình làm bài.
  - Khi chấm các câu tự luận:
    - + Cần xác định thang điểm một cách chuẩn xác và chi tiết, trong đó đưa ra những câu trả lời có thể chấp nhận được và trọng số cho từng câu trả lời.
    - + Cần phải có một bảng hướng dẫn rõ những khái niệm, những ý tưởng, những lập luận, khối lượng dài ngắn và một số vấn đề khác tạo nên một bài trả lời chấp nhận được.
    - + Cần có dự kiến đưa ra một số vấn đề có thể xuất hiện trong bài làm để có cách xử lý và cho điểm.

Có hai cách chấm điểm là chấm theo kiểu phân tích và chấm theo kiểu phân loại nhóm, tuỳ theo mục đích kiểm tra, đánh giá.

- + Thứ nhất là chấm theo kiểu phân tích, được tiến hành bằng cách cho điểm các câu trả lời căn cứ theo từng tiêu chí đã xác định, như vậy trong bài sẽ có các điểm thành phần và sau đó cộng lại. Cách chấm này cần cẩn thận và bám sát vào đáp án và thang điểm. Để có được hiệu quả cao ở cách chấm theo kiểu phân tích cần chấm điểm đồng loạt từng câu một, điều này sẽ giúp cho việc áp dụng tiêu chí nhất quán cho các câu, tránh sự thay đổi vô tình khi chấm, làm tăng tính khách quan.
- + Thứ hai là chấm theo kiểu phân loại, đòi hỏi phải đọc sơ bộ tất cả các bài làm, sau đó phân loại bài theo các nhóm. Có thể phân thành ba loại hoặc năm loại. Việc chia nhóm được tiến hành trước khi cho điểm để người chấm có thể suy nghĩ, so sánh giữa các bài với nhau. Chấm theo cách này có thể tiến hành theo ba bước: *Một là* đọc tất cả các bài rồi xếp thành ba nhóm, hoặc năm nhóm lớn với tỉ lệ bằng nhau; *Hai là* đọc lại các bài và mỗi nhóm lại tiếp tục chia thành ba hoặc năm nhóm nhỏ; *Ba là* so sánh nhóm nhỏ cuối của nhóm lớn này với nhóm nhỏ đầu của nhóm lớn khác, nếu thấy có sự phân biệt tức là có thể chấp nhận được về sự phân loại. Cách chấm theo kiểu phân loại có thể đánh giá tổng thể câu trả lời bằng một điểm số hoặc bằng xếp loại. Điểm số có thể căn cứ vào ấn tượng chung hay tiêu chí nhất định và được đặt vào mốc ấn định các mức độ khác nhau về chất lượng bài làm.

Việc lựa chọn cách chấm nào là phụ thuộc vào mục đích của đánh giá. Thông thường, để phân loại, sắp xếp học sinh vào các nhóm khác nhau theo mục đích nào đó thì có thể chấm theo kiểu phân loại. Để xác định mức độ mà người học đạt được các mục tiêu đặt ra như thế nào thì cần căn cứ vào những tiêu chí cụ thể, chi tiết.

- Việc chấm điểm bài tự luận cần có sự độc lập giữa những người chấm. Người chấm sau không nên biết người chấm trước đã cho bao nhiêu điểm. Người chấm không nên biết tên học sinh hoặc lớp học sinh để tránh sự ảnh hưởng của ấn tượng, đảm bảo tính khách quan.
- \* *Yêu cầu khi sử dụng phương pháp trắc nghiệm khách quan:*

Lựa chọn phương pháp trắc nghiệm khách quan cần căn cứ vào mục đích đánh giá, đối tượng đánh giá và các điều kiện cụ thể cũng như khả năng mà trắc nghiệm có thể đo lường và đánh giá được các mục tiêu đã xác định.

Có một hệ thống ngân hàng câu trắc nghiệm đảm bảo được yêu cầu về các chỉ số của câu trắc nghiệm. Không phải chỉ đối với trắc nghiệm tiêu chuẩn hoá được sử dụng trên phạm vi rộng, mà các trắc nghiệm do giáo viên soạn để đánh giá kết quả học tập của học sinh trong một trường hay một lớp học cũng cần được xây dựng một cách cẩn thận.

- Cần có sẵn hệ thống ngân hàng câu trắc nghiệm được quản lý một cách khoa học.
- Các câu trắc nghiệm khi thiết kế vào bài trắc nghiệm phải đại diện được cho nội dung cần đánh giá. Cần sắp xếp câu trắc nghiệm theo từng chủ đề và từ dễ đến khó.
- Quá trình tiến hành trắc nghiệm cần được tiến hành cẩn thận. Số lượng bài trắc nghiệm và phiếu trả lời được nhân bản theo số lượng người làm trắc nghiệm.
- Cần có các biện pháp chống gian lận khi làm bài, có thể thực hiện thông qua việc thiết kế bài trắc nghiệm.
- Hướng dẫn chu đáo cho tất cả học sinh về cách thức làm bài trắc nghiệm trước khi tiến hành làm trắc nghiệm.

Đối với các kì thi triển khai trên một diện rộng, việc chấm điểm bài trắc nghiệm được thực hiện bằng máy chấm theo một quy trình chặt chẽ.

Cả phương pháp trắc nghiệm khách quan và phương pháp kiểm tra tự luận đều là những phương pháp khảo sát kết quả học tập, vấn đề là ở chỗ sử dụng chúng trong từng điều kiện cụ thể như thế nào cho đạt hiệu quả

cao. Hiệu quả của mỗi phương pháp phụ thuộc vào việc sử dụng chúng trong từng điều kiện và đáp ứng những mục tiêu nhất định.

- Đối với phương pháp tự luận:
  - + Được sử dụng khi nhóm học sinh được khảo sát có số lượng vừa phải và chỉ nên sử dụng một lần, không nên dùng lại ngay ở lần sau.
  - + Sử dụng bài tự luận khi muốn khuyến khích học sinh phát triển kỹ năng và diễn tả bằng khả năng viết.
  - + Việc sử dụng bài tự luận sẽ tốt khi giáo viên muốn thăm dò thái độ hay tìm hiểu tư tưởng, quan điểm của học sinh về một vấn đề nào đó.
  - + Dùng bài kiểm tra dạng tự luận chỉ thực sự có hiệu quả khi giáo viên chấm bài một cách vô tư và thận trọng để đảm bảo tính khách quan, chính xác.
- Đối với phương pháp trắc nghiệm khách quan:
  - + Việc sử dụng có thuận lợi khi cần khảo sát kết quả học tập trên một số lượng lớn học sinh hoặc muốn tiếp tục dùng bài trắc nghiệm đó ngay ở những lần sau.
  - + Cần đo lường các mục tiêu biết và hiểu.
  - + Được sử dụng trong trường hợp đã có những câu trắc nghiệm tốt, tức là những câu đã qua thử nghiệm và đạt được các yêu cầu nhất định về độ khó, độ phân biệt, mức độ lôi cuốn vào các phương án (đối với câu nhiều lựa chọn).
  - + Sử dụng trắc nghiệm khách quan khi không muốn tốn quá nhiều thời gian để chấm điểm, chấm điểm nhanh chóng và có được những điểm số đáng tin cậy, không phụ thuộc vào chủ quan của người chấm bài.
- \* *Những yêu cầu cơ bản khi sử dụng phương pháp kiểm tra vấn đáp:*
  - Câu hỏi cần phải chính xác, rõ ràng, xúc tích. Với những câu hỏi mập mờ hay chung chung, học sinh sẽ khó trả lời và giáo viên cũng khó biết được là học sinh biết gì.
  - Câu hỏi phải sát với trình độ của học sinh, diễn đạt đúng ngữ pháp, gọn gàng, sáng sủa. Câu hỏi phải có tác dụng kích thích tính tích cực, độc lập tư duy của học sinh.
  - Nên hạn chế đặt những câu hỏi chỉ trả lời "có" hoặc "không", vì học sinh có thể đoán và trả lời ngay câu hỏi, sau đó chờ phản ứng của giáo viên. Loại câu hỏi này có độ chẩn đoán không cao, nếu dùng thì nên kèm theo câu hỏi "tại sao".

- Các câu hỏi cần được sắp xếp theo tiến trình hợp lý. Sau khi học sinh trả lời, giáo viên cần đưa ra nhận xét ngay. Nhận xét cần phải cụ thể, nếu nhận xét chung chung sẽ không giúp được cho học sinh điều chỉnh nhận thức của mình, đồng thời nhận xét của giáo viên phải có tác dụng khuyến khích học sinh học tập.
- Sự đánh giá cũng sẽ chính xác hơn nếu học sinh có đủ thời gian để trả lời câu hỏi. Thực tế, nhiều giáo viên thấy khó khăn khi phải chờ đợi học sinh vài giây nên thường gợi ý ngay, điều này làm ảnh hưởng đến hiệu quả đánh giá.
- \* *Yêu cầu đối với phương pháp quan sát:*
- Đối với quan sát sản phẩm và kỹ năng:
- Trước hết cần viết được các bài tập cho học sinh thực hiện. Yêu cầu đối với bài tập là:
- + Bài tập phải phản ánh được những vấn đề trọng tâm của chương trình học cùng với những kỹ năng tương ứng cần thiết.
- + Bài tập phải kiểm tra được kiến thức qua các tình huống thực, để học sinh vận dụng kiến thức giải quyết.
- + Các bài tập phải được xây dựng sao cho yêu cầu học sinh kết hợp được các kiến thức, kỹ năng cần thiết để thể hiện khả năng vận dụng.
- + Khi soạn bài tập cần hình dung trước những điều cần làm, những nguồn thông tin cần đọc, thời gian cần làm, các bước tiến hành và khả năng làm bài của học sinh.
- + Các bài tập cần được thiết kế phù hợp với mục tiêu đã hoạch định Chẳng hạn, sử dụng bài tập để đánh giá sản phẩm thì sản phẩm phải quan trọng hơn quy trình và quy trình khó khăn trong việc quan sát hơn. Hoặc sử dụng đánh giá quy trình trong trường hợp học sinh chắc chắn phải sử dụng hay thực hiện công việc theo đúng trình tự các bước và đảm bảo một số các yếu tố khác (thời gian, an toàn, kinh tế).
- + Bài tập không nên chỉ có một cách giải mà nên có nhiều cách giải.
- + Nhiệm vụ nêu ra trong bài tập phải rõ ràng và những hướng dẫn cần chi tiết, đầy đủ để học sinh thực hiện được như: tiến hành theo cá nhân hay theo nhóm, thời gian để thực hiện, các nguồn thông tin cần thu thập...
- + Bài tập cần vừa sức, không nên quá khó hay quá dễ và phải có tác dụng khuyến khích học sinh thực hiện các nhiệm vụ của bài tập.
- Để đánh giá kỹ năng và sản phẩm, cần xây dựng được chỉ dẫn cho việc chấm điểm trong đó bao gồm các tiêu chí và mỗi tiêu chí có các mức độ

thành thạo khác nhau của học sinh. Đó là các căn cứ để đánh giá việc thực hiện của học sinh, chúng bao gồm những đặc điểm tiêu biểu cho sự thành thạo của việc thực hiện cũng như sản phẩm. Các tiêu chí chấm điểm bắt đầu từ việc xác định các đặc điểm quan trọng nhất về việc thực hiện bài tập. Yêu cầu đối với tiêu chí là:

- Chúng phải được tập trung vào các khía cạnh quan trọng của việc thực hiện.
- Chúng phản ánh mục tiêu học tập và có thể quan sát được.
- Các tiêu chí tập trung vào những hành vi hay những khía cạnh của sản phẩm có thể quan sát được.
- Các tiêu chí cần được mô tả chi tiết, tránh mơ hồ, không sử dụng những thuật ngữ tối nghĩa. Nếu thuật ngữ được sử dụng không rõ ràng về sự mô tả kỹ năng, thái độ có liên quan thì quan sát khó đạt được độ tin cậy.

Sau khi đã xác định được các tiêu chí, cần phải đưa ra các mức độ khác nhau của việc thực hiện. Chúng được tiến hành theo các bước sau:

- Xác định số lượng phân loại các mức độ sẽ được sử dụng để đánh giá, tức là xem có bao nhiêu mức độ thực hiện khác nhau.
- Xác định đặc điểm cụ thể của từng mẫu bài thể hiện cùng mức độ thực hiện, phải đưa ra được những dấu hiệu thể hiện được là có sự phân biệt giữa các mức độ đó.
- **Đưa ra các chỉ báo trên thang điểm,** có thể là thang điểm bằng số hay bằng sự mô tả.

Một thang điểm có sự kết hợp tất cả các đặc điểm lại và chỉ có một điểm chấm là thang điểm tổng quát, còn thang điểm chi tiết thường là mỗi tiêu chí có một điểm riêng. Thông thường thang điểm tổng quát đơn giản, nhanh chóng tuy nhiên cung cấp thông tin phản hồi ít hơn một thang điểm chi tiết. Ngược lại thang điểm chi tiết có nhiều thông tin phản hồi có hữu ích cho giảng dạy và học tập, tuy nhiên cần có nhiều thời gian để chuẩn bị và chấm điểm.

- Yêu cầu khi quan sát:

Sau khi học sinh đã thực hiện các nhiệm vụ, giáo viên cần quan sát để đánh giá về kỹ năng, sản phẩm và thái độ.

- Quan sát kỹ năng sản phẩm:
- + Cần có kế hoạch trước cho việc quan sát.
- + Cần chuẩn bị một danh mục cần quan sát, tức là phải định ra trước một loạt kỹ năng hay thái độ được quan sát.

- + Quan sát cần phải dựa trên các mục tiêu sẽ đánh giá.
- + Khi quan sát chỉ nên tập trung vào một hoặc hai đặc điểm vì các số liệu sẽ tin cậy hơn do người quan sát khó tập trung vào nhiều đặc điểm cùng một lúc.
- + Số lượng quan sát nhiều và thời gian quan sát diễn ra liên tục thì độ tin cậy của quan sát lớn hơn.
- Quan sát thái độ:
- + Khi quan sát thái độ, cần tiến hành đồng thời với việc dạy của giáo viên, giáo viên lên kế hoạch giảng dạy thì đồng thời cũng có kế hoạch quan sát.
- + Nếu quan sát trong một tập thể cần mang tính bao quát; quan sát cá nhân cần tập trung vào đặc điểm cụ thể.
- + Khi quan sát thái độ cần ghi lại một cách cẩn thận và tóm tắt ngay sau khi nó xảy ra. Tuy nhiên, không nên đồng thời đưa ra những giải thích liên quan đến thái độ, điều này sẽ gây trở ngại đến tính khách quan trong việc thu thập thông tin quan sát.
- + Có thể quan sát ngẫu nhiên.

Như vậy, để đánh giá kết quả học tập của học sinh, có nhiều phương pháp được sử dụng, mỗi phương pháp đánh giá đều có những ưu thế và hạn chế nhất định, không có phương pháp nào là tối ưu hay hạn chế nhất. Tuỳ theo những điều kiện cụ thể cũng như các mục tiêu cần đo lường mà giáo viên lựa chọn các phương pháp đánh giá cho phù hợp.

### **Hoạt động 3 : Thực hành lựa chọn và sử dụng các phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập ở môn học cụ thể.**

Dựa vào quy trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, bạn hãy thiết kế các bước sử dụng các phương pháp sau đối với các bài kiểm tra 1 tiết:

- Thiết kế các bước sử dụng phương pháp kiểm tra viết dạng tự luận.
- Thiết kế các bước sử dụng phương pháp trắc nghiệm khách quan.
- Thiết kế các bước sử dụng phương pháp kiểm tra vấn đáp.
- Thiết kế các bước sử dụng phương pháp quan sát (kĩ năng/sản phẩm/ thái độ).

#### **THÔNG TIN PHẢN HỒI**

Mỗi phương pháp kiểm tra, đánh giá đều có ưu điểm và hạn chế nhất định, không có phương pháp nào là tối ưu hay hạn chế nhất. Cần phải lựa chọn các phương pháp cho phù hợp với mục tiêu đánh giá.

Khi lựa chọn phương pháp kiểm tra, đánh giá cần lưu ý:

- Phương pháp đánh giá phải phù hợp với quan niệm về đầu ra. Ví dụ: đòi hỏi người học nắm vững hệ thống tri thức hay khả năng vận dụng tri thức, hay hình thành ở người học tính sáng tạo (dùng trắc nghiệm thi đại học là đặt trọng tâm vào việc nâng cao tính khách quan, giảm may rủi, thuận tiện, tuy nhiên cần có bộ công cụ đo chính xác).
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá phải đảm bảo giá trị và tin cậy: Giá trị liên quan đến tính hợp lý của các kết luận, bài kiểm tra hay công cụ nào đó do được dùng cái cần đo. Độ tin cậy thể hiện mức độ ổn định, nhất quán của kết quả đánh giá (tính chính xác của phép đo).
- Phương pháp kiểm tra, đánh giá phải loại trừ được những sai sót trong đánh giá. Những nguồn sai sót trong đánh giá như: từ phía học sinh (sức khoẻ, tâm trạng, may mắn...); từ phía chủ quan của người đánh giá (nếu là bài tự luận: ảnh hưởng nhiều); từ yếu tố bên ngoài (bài kiểm tra, hướng dẫn làm bài, điều kiện tiến hành làm bài).

### **III. BÀI TẬP ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG 2**

1. Bạn hãy quan sát thực tiễn việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh trong nhà trường và nhận xét việc thực hiện các yêu cầu của giáo viên khi tiến hành phương pháp kiểm tra viết dạng tự luận. Hãy đề xuất ý kiến để khắc phục những hạn chế này.
2. Hãy nhận xét về việc sử dụng phương pháp trắc nghiệm khách quan để đánh giá kết quả học tập của học sinh trong thực tiễn hiện nay.
3. So sánh phương pháp kiểm tra viết dạng tự luận và phương pháp trắc nghiệm khách quan. Nêu những căn cứ để lựa chọn và sử dụng có hiệu quả từng phương pháp.
4. Thảo luận về thực trạng sử dụng phương pháp vấn đáp trong kiểm tra, đánh giá kết quả của học sinh hiện nay.
5. Trình bày phương pháp đánh giá thực hành sử dụng trong đánh giá kết quả học tập của học sinh, so sánh với bài kiểm tra viết tự luận.
6. Thiết kế nội dung của một bài kiểm tra, đánh giá kỹ năng thực hành của học sinh ở một môn học cụ thể.
7. Viết bài luận để giải thích và chứng minh rằng: Để đánh giá đầy đủ các mục tiêu học tập, cần có sự lựa chọn và phối hợp các phương pháp đánh giá.



## D. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bloom B.S, *Nguyên tắc phân loại mục tiêu giáo dục (lĩnh vực nhận thức)*, Người dịch: Đoàn Văn Diểu, Nxb Giáo dục, 1995.
2. Nguyễn Phụng Hoàng, *Phương pháp kiểm tra, đánh giá thành quả học tập*, Nxb Giáo dục, 1996.
3. Lê Đức Ngọc, *Tóm tắt về kỹ thuật kiểm tra, đánh giá*, Đại học Quốc gia Hà Nội, Trung tâm Đảm bảo chất lượng và Nghiên cứu phát triển giáo dục, 1997.
4. Trần Thị Tuyết Oanh, *Đánh giá và đo lường kết quả học tập*, Nxb Đại học Sư phạm, 2007.
5. Dương Thiệu Tống, *Trắc nghiệm và đo lường thành quả học tập (Phương pháp thực hành, tập I)*, Đại học Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 1995.
6. James H. McMillan, *Classroom Assessment, Principles and Practice for Effective Instruction*, A Pearson Education Company, Copyright 2001, 1997 by Allyn&Bacon.
7. Popham W.L (editor), *Criterion - referenced Measurement*, Educational Technology Publication, Englewood cliffs, New Jersey, 1973.

**MODULE THCS**

TRẦN THỊ TUYẾT OANH

**24**

**KĨ THUẬT KIỂM TRA,  
ĐÁNH GIÁ  
TRONG DẠY HỌC**



## A. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

Kiểm tra, đánh giá là một bộ phận, một khâu quan trọng của quá trình dạy học. Kiểm tra, đánh giá không chỉ xác định mức độ đạt được các mục tiêu của dạy học, mà còn tác động trở lại quá trình dạy học.

Tính khách quan, chính xác trong kiểm tra, đánh giá cũng như tính hiệu quả của quá trình này phụ thuộc rất nhiều vào các kĩ thuật kiểm tra, đánh giá mà người giáo viên sử dụng. Kĩ thuật kiểm tra, đánh giá kết quả học tập là một thành tố nằm trong tất cả các khâu của quá trình đánh giá kết quả học tập.

Với xu hướng đổi mới kiểm tra, đánh giá hiện nay, các kĩ thuật kiểm tra, đánh giá kết quả học tập đòi hỏi phải được thực hiện theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá.

Module này trình bày những kĩ thuật cơ bản, hiện đại về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh THCS, giúp cho giáo viên sử dụng được các kĩ thuật kiểm tra, đánh giá trong dạy học, bao gồm kĩ thuật biên soạn đề kiểm tra, đo lường kết quả học tập; kĩ thuật kiểm tra, đánh giá hướng vào hỗ trợ cho dạy học có hiệu quả.



## B. MỤC TIÊU

Sau khi học xong module này, học viên sẽ:

### 1. Kiến thức

Nắm được các bước cơ bản để xây dựng đề kiểm tra; nắm được kĩ thuật kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh THCS như: biết xác định mục đích kiểm tra, phương pháp, hình thức kiểm tra, xây dựng ma trận cho đề kiểm tra, viết đề kiểm tra và hướng dẫn chấm điểm.

### 2. Kỹ năng

- Thực hiện được việc biên soạn đề kiểm tra cho môn học cụ thể.
- Sử dụng được các kĩ thuật kiểm tra, đánh giá trong dạy học để đánh giá kết quả học tập của học sinh và nâng cao hiệu quả dạy học.

### 3. Thái độ

- Có thái độ tích cực trong việc bồi dưỡng nâng cao năng lực sử dụng các kĩ thuật kiểm tra, đánh giá phù hợp với đối tượng và môn học cụ thể.



## C. NỘI DUNG

### Nội dung 1

#### CÁC KỸ THUẬT KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐỊNH KÌ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH

##### I. MỤC TIÊU

Sau khi học xong module này, học viên sẽ:

- Nắm được các kỹ thuật kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh THCS được thực hiện trong kiểm tra, đánh giá định kì và kiểm tra, đánh giá tổng kết.
- Sử dụng thành thạo các kỹ thuật kiểm tra, đánh giá để đánh giá kết quả học tập của học sinh.
- Có thái độ tích cực trong việc bồi dưỡng nâng cao năng lực sử dụng các kỹ thuật kiểm tra, đánh giá phù hợp với đối tượng và môn học cụ thể.

##### II. CÁC HOẠT ĐỘNG

###### **Hoạt động 1: Thiết lập các bước cụ thể để xây dựng một đề kiểm tra cho môn học cụ thể.**

Dựa vào hiểu biết và kinh nghiệm thực tiễn của mình, bạn hãy nhớ lại và viết ra suy nghĩ của mình để thực hiện một số yêu cầu sau:

- \* Hãy chỉ ra những hạn chế của việc xây dựng đề kiểm tra hiện nay.

- \* Nêu các bước xây dựng để kiểm tra và vai trò của mỗi bước.

Bạn hãy đổi chiều những nội dung vừa viết với những thông tin dưới đây và tự hoàn thiện những nội dung đã viết.

#### THÔNG TIN PHẢN HỒI

- \* Một số hạn chế của việc xây dựng để kiểm tra hiện nay:
  - Một số giáo viên chưa nhận thức đúng tầm quan trọng của xây dựng để kiểm tra.
  - Các bước ra để kiểm tra không được chú ý đúng mức, đặc biệt là bước xây dựng ma trận đề, đáp án, thang điểm thử lại để trước khi cho học sinh thực hiện.
  - Kỹ thuật viết để chưa chuẩn.
  - Soạn để kiểm tra thiếu chiều sâu.
  - Để kiểm tra ít chú ý đến tính sáng tạo, thể hiện sự phân hoá quá thấp, hoặc quá cao.
- \* Các bước xây dựng để kiểm tra
  - Bước 1. Xác định mục đích của để kiểm tra.

Để kiểm tra là một công cụ dùng để đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong một chủ đề, một chương, một học kì, một lớp hay

một cấp học nên người biên soạn đề kiểm tra cần căn cứ vào mục đích, yêu cầu cụ thể của việc kiểm tra, căn cứ vào chuẩn kiến thức kĩ năng của chương trình và thực tế học tập của học sinh để xây dựng mục đích của đề kiểm tra cho phù hợp.

- *Bước 2. Xác định hình thức đề kiểm tra.*

Đề kiểm tra (viết) có các hình thức sau:

- + Đề kiểm tra tự luận;
- + Đề kiểm tra trắc nghiệm khách quan;
- + Đề kiểm tra kết hợp cả hai hình thức trên: có cả câu hỏi dạng tự luận và câu hỏi dạng trắc nghiệm khách quan.

Mỗi hình thức đều có ưu điểm và hạn chế riêng nên cần kết hợp một cách hợp lí các hình thức sao cho phù hợp với nội dung kiểm tra và đặc trưng môn học để nâng cao hiệu quả, tạo điều kiện để đánh giá kết quả học tập của học sinh chính xác hơn.

Nếu đề kiểm tra kết hợp hai hình thức thì nên có nhiều phiên bản đề khác nhau hoặc cho học sinh làm bài kiểm tra phần trắc nghiệm khách quan độc lập với việc làm bài kiểm tra phần tự luận: làm phần trắc nghiệm khách quan trước, thu bài rồi mới cho học sinh làm phần tự luận.

- *Bước 3. Thiết lập ma trận đề kiểm tra (bảng mô tả tiêu chí của đề kiểm tra).*

Lập một bảng có hai chiều, một chiều là nội dung hay mạch kiến thức, kĩ năng chính cần đánh giá, một chiều là các cấp độ nhận thức của học sinh theo các cấp độ: nhận biết, thông hiểu và vận dụng (gồm có vận dụng ở cấp độ thấp và vận dụng ở cấp độ cao).

Trong mỗi ô là chuẩn kiến thức, kĩ năng chương trình cần đánh giá, tỉ lệ % số điểm, số lượng câu hỏi và tổng số điểm của các câu hỏi.

Số lượng câu hỏi của từng ô phụ thuộc vào mức độ quan trọng của mỗi chuẩn cần đánh giá, lượng thời gian làm bài kiểm tra và trọng số điểm quy định cho từng mạch kiến thức, từng cấp độ nhận thức.

- *Bước 4. Biên soạn câu hỏi theo ma trận.*

Việc biên soạn câu hỏi theo ma trận cần đảm bảo nguyên tắc: loại câu hỏi, số câu hỏi và nội dung câu hỏi do ma trận đề quy định, mỗi câu hỏi trắc nghiệm khách quan chỉ kiểm tra một chuẩn hoặc một vấn đề, khái niệm.

- *Bước 5. Xây dựng hướng dẫn chấm (đáp án) và thang điểm.*

Việc xây dựng hướng dẫn chấm (đáp án) và thang điểm đối với bài kiểm tra cần đảm bảo các yêu cầu:

Nội dung: khoa học và chính xác. Cách trình bày: cụ thể, chi tiết nhưng ngắn gọn và dễ hiểu, phù hợp với ma trận đề kiểm tra.

Cần hướng tới xây dựng bản mô tả các mức độ đạt được để học sinh có thể tự đánh giá được bài làm của mình (kỹ thuật Rubric).

- **Bước 6. Xem xét lại việc biên soạn đề kiểm tra.**

Sau khi biên soạn xong đề kiểm tra, cần xem xét lại việc biên soạn đề kiểm tra, gồm các bước sau:

- + Đổi chiều từng câu hỏi với hướng dẫn chấm và thang điểm, phát hiện những sai sót hoặc thiếu chính xác của đề và đáp án. Sửa các từ ngữ, nội dung nếu thấy cần thiết để đảm bảo tính khoa học và chính xác.
- + Đổi chiều từng câu hỏi với ma trận đề, xem xét câu hỏi có phù hợp với chuẩn cần đánh giá không, có phù hợp với cấp độ nhận thức cần đánh giá không, số điểm có thích hợp không, thời gian dự kiến có phù hợp không (giáo viên tự làm bài kiểm tra, thời gian làm bài của giáo viên bằng khoảng 70% thời gian dự kiến cho học sinh làm bài là phù hợp).
- + Thử đề kiểm tra để tiếp tục điều chỉnh đề cho phù hợp với mục tiêu, chuẩn chương trình và đối tượng học sinh (nếu có điều kiện, hiện nay đã có một số phần mềm hỗ trợ cho việc này, giáo viên có thể tham khảo).
- + Hoàn thiện đề, hướng dẫn chấm và thang điểm.

**Hoạt động 2: Xác định các mục tiêu kiểm tra, đánh giá và thiết lập bảng ma trận.**

Dựa vào kinh nghiệm của mình, bạn hãy thực hiện một số yêu cầu sau:

- \* Chọn một chương cụ thể của môn học, xác định các mục tiêu cần kiểm tra, đánh giá.

- \* Thiết lập bảng ma trận cho đề kiểm tra theo bảng sau:

### KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

(Dùng cho loại đề kiểm tra tự luận hoặc trắc nghiệm khách quan)

Tên chủ đề (nội dung, chương...)	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Cộng
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao	
Chủ đề 1	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu ... điểm = ... %
Chủ đề 2	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu ... điểm = ... %
.....					
Chủ đề n	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu ... điểm = ... %
Tổng số câu Tổng số điểm Tỉ lệ %	Số câu Số điểm %	Số câu Số điểm %	Số câu Số điểm %	Số câu Số điểm	

## KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

(Dùng cho loại đề kiểm tra kết hợp tự luận và trắc nghiệm khách quan)

Cấp độ	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng				Cộng
					Cấp độ thấp		Cấp độ cao		
	Trắc nghiệm khách quan	Tự luận							
<b>Tên chủ đề (nội dung chương...)</b>									
<b>Chủ đề 1</b>	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm = ...%	Số câu ... diểm = ...%
<b>Chủ đề 2</b>	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm = ...%	Số câu ... diểm = ...%
.....									
<b>Chủ đề n</b>									
<b>Số câu Số điểm Tỉ lệ %</b>	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm	Số câu Số điểm = ...%	Số câu ... diểm = ...%
<b>Tổng số câu Tổng số điểm Tỉ lệ %</b>	Số câu Số điểm %		Số câu Số điểm %		Số câu Số điểm %				Số câu Số điểm

Bạn hãy đọc những thông tin dưới đây để hiểu rõ hơn về kĩ thuật xác định mục đích kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh.

## THÔNG TIN PHẦN HỒI

### \* Xác định yêu cầu cần đạt được của nội dung kiểm tra

Xác định theo các cấp độ: biết, hiểu, áp dụng. Giáo viên phải căn cứ vào hệ thống các chuẩn kiến thức, kĩ năng được quy định trong chương trình của môn học để mô tả yêu cầu cần đạt theo các cấp độ của tư duy. Các cấp độ của tư duy thông thường cần được đánh giá như:

- *Nhận biết*: là mức độ thấp nhất, chủ yếu là ghi nhớ và nhắc lại được những gì đã được học trước đây, yêu cầu nhớ lại hay nhận thức lại các sự kiện, các thuật ngữ, các quy ước, các nguyên tắc, các quy luật, các đặc trưng..., không cần giải thích những thông tin thu được. Động từ mô tả yêu cầu cần đạt ở cấp độ này thường bao gồm các động từ: nhận biết được, nêu được, phát biểu được, viết được, liệt kê được,...
- *Thông hiểu*: bao gồm cả biết nhưng ở mức độ cao hơn, đòi hỏi biết được cả ý nghĩa của tri thức, liên hệ chúng với những gì đã học, đã biết. Hiểu được thể hiện ở ba dạng: *Thứ nhất* là có thể truyền đạt lại thông tin thu nhận được bằng các thuật ngữ khác hay bằng một hình thức khác của thông tin; *Thứ hai* là khi đưa ra một thông tin, có thể nắm vững được ý tưởng chính có trong thông tin đó, đồng thời hiểu được mối liên hệ bền trong giữa chúng. Có thể sắp xếp lại ý tưởng thành một dạng mới, nó bao gồm khả năng nhận ra những cái cơ bản và phân biệt chúng với cái khác; *Thứ ba* là có khả năng đưa ra những kết luận bằng sự suy luận, khả năng tiên đoán, nó bao gồm việc đánh giá hay dự đoán dựa trên sự hiểu biết khuynh hướng hay điều kiện được mô tả trong thông tin, bao gồm các phán đoán về cái tổng thể, từ việc mô tả rõ một mẫu hay ngược lại phán đoán về một mẫu mà thông tin mô tả cái tổng thể. Nội dung thể hiện ở việc thông hiểu thông tin, nắm bắt được ý nghĩa, chuyển tài kiến thức từ dạng này sang dạng khác, diễn giải các dữ liệu, so sánh, đổi chiều tương phản, sắp xếp thứ tự, sắp xếp theo nhóm, suy diễn các nguyên nhân, dự đoán. Động từ mô tả yêu cầu cần đạt ở cấp độ này thường là diễn giải được, so sánh, chỉ ra các mối quan hệ...
- *Áp dụng* được dựa trên sự thông hiểu, là mức độ cao hơn so với sự thông hiểu. Khi áp dụng, cần phải căn cứ vào những hoàn cảnh hoặc những điều kiện cụ thể để lựa chọn, sử dụng các tri thức đã học vào việc giải quyết một vấn đề nào đó. Yêu cầu giải quyết vấn đề bằng những kiến

thức, kĩ năng đã học đòi hỏi sự tư duy lôgic, phân tích, tổng hợp. Động từ mô tả yêu cầu cần đạt ở cấp độ này thường là: vận dụng được, giải được bài tập, làm được...

Các mục tiêu học tập được xây dựng phải mang tính toàn diện, chúng phải mô tả được các lĩnh vực kiến thức, kĩ năng, thái độ. Tuy nhiên, tuy theo nội dung tri thức có thể ưu tiên hơn mục tiêu nào đó khi kết hợp chúng với nhau.

Xác định đủ số lượng các mục tiêu, số lượng các mục tiêu tuỳ thuộc vào sự phức tạp của mục tiêu cũng như thời gian và khối lượng kiến thức cần trang bị cho học sinh.

Các mục tiêu thường là cụ thể và được miêu tả bằng những động từ chỉ hành động. Những hành động này chỉ ra những gì học sinh thực sự làm được cuối một đơn vị học tập. Khi viết mục tiêu cần mô tả ở mức độ tổng quát thích hợp, không nên quá chi tiết, cũng không nên quá chung chung. Các mục tiêu nên nêu ra ở mức độ vừa đủ lượng thông tin.

Các mục tiêu học tập xác định cao nhưng phải có tính khả thi, đòi hỏi không quá khó, không quá dễ, học sinh có đủ kiến thức, kĩ năng cần thiết để đạt mục tiêu.

Các mục tiêu học tập cần được xác định thống nhất với nguyên tắc về dạy học, bởi vì chúng là cơ sở cho hoạt động giảng dạy và hoạt động học tập. Chẳng hạn, mục tiêu có khuyến khích cho cải tiến phương pháp giảng dạy và học tập không, hoặc giúp cho việc áp dụng những điều đã học vào thực tiễn như thế nào.

#### \* *Xây dựng ma trận cho đề kiểm tra*

Khi viết câu hỏi phải căn cứ vào bảng đặc trưng (còn gọi là bảng đặc tính, hay bảng ma trận hai chiều). Bảng đặc trưng này được coi là một công cụ hữu ích giúp cho người soạn trắc nghiệm viết các câu hỏi phù hợp với mục tiêu giảng dạy, nó phân loại từng câu hỏi trắc nghiệm ra thành hai chiều cơ bản, một chiều là hành vi đòi hỏi ở học sinh, một chiều là nội dung sách giáo khoa, giáo trình môn học chứa đựng. Số lượng câu hỏi đưa vào bảng đặc trưng phải được xác định rõ ràng, như vậy khi nhìn vào bảng đặc trưng có thể dễ dàng lấy được mẫu đại diện cho nội dung môn học.

Để thành lập bảng đặc trưng, cần phải tiến hành phân tích nội dung của môn học, cần liệt kê các mục tiêu giảng dạy cụ thể hay các năng lực cần được đo lường. Tất cả những điều này cần được ghi lại với các nhận định

khá chi tiết. Sau đó phải quyết định là cần bao nhiêu câu hỏi cho mỗi mục tiêu. Số lượng câu hỏi tuỳ thuộc vào mức độ quan trọng của từng mục tiêu và các khía cạnh khác nhau cần đo lường, trong đó phải tiến hành các công việc như: Xác định những vấn đề được coi là chính yếu trong toàn bộ nội dung của chương trình môn học; Phân loại các vấn đề chính yếu theo các dạng như: các sự kiện, các khái niệm, các quy luật, quy tắc, đặc trưng, các tư tưởng, các luận điểm...; Xác định các mục tiêu giáo dục cụ thể cần đạt được. Các mục tiêu cụ thể cần phải viết rõ thành một bản chi tiết theo các vấn đề trong từng chương, từng bài.

- Các bước cơ bản thiết lập ma trận để kiểm tra:
  - + B1. Liệt kê tên các chủ đề (nội dung, chương...) cần kiểm tra;
  - + B2. Viết các chuẩn cần đánh giá đối với mỗi cấp độ tư duy;
  - + B3. Quyết định phân phối tỉ lệ % tổng điểm cho mỗi chủ đề (nội dung, chương...);
  - + B4. Quyết định tổng số điểm của bài kiểm tra;
  - + B5. Tính số điểm cho mỗi chủ đề (nội dung, chương...) tương ứng với tỉ lệ %;
  - + B6. Tính tỉ lệ %, số điểm và quyết định số câu hỏi cho mỗi chuẩn tương ứng;
  - + B7. Tính tổng số điểm và tổng số câu hỏi cho mỗi cột;
  - + B8. Tính tỉ lệ % tổng số điểm phân phối cho mỗi cột;
  - + B9. Đánh giá lại ma trận và chỉnh sửa nếu thấy cần thiết.

Cần lưu ý:

- Khi viết các chuẩn cần đánh giá đối với mỗi cấp độ tư duy:
  - + Chuẩn được chọn để đánh giá là chuẩn có vai trò quan trọng trong chương trình môn học. Đó là chuẩn có thời lượng quy định trong phân phối chương trình nhiều và làm cơ sở để hiểu được các chuẩn khác.
  - + Mỗi chủ đề (nội dung, chương...) nên có những chuẩn đại diện được chọn để đánh giá.
  - + Số lượng chuẩn cần đánh giá ở mỗi chủ đề (nội dung, chương...) tương ứng với thời lượng quy định trong phân phối chương trình dành cho chủ đề (nội dung, chương...) đó. Nên để số lượng các chuẩn kỹ năng và chuẩn đòi hỏi mức độ tư duy cao (vận dụng) nhiều hơn.
  - Quyết định tỉ lệ % tổng điểm phân phối cho mỗi chủ đề (nội dung, chương...): Căn cứ vào mục đích của đề kiểm tra, căn cứ vào mức độ quan trọng của mỗi chủ đề (nội dung, chương...) trong chương trình và thời lượng quy

định trong phân phối chương trình để phân phối tỉ lệ % tổng điểm cho từng chủ đề.

- Tính số điểm và quyết định số câu hỏi cho mỗi chuẩn tương ứng.  
Căn cứ vào mục đích của đề kiểm tra để phân phối tỉ lệ % số điểm cho mỗi chuẩn cần đánh giá, ở mỗi chủ đề, theo hàng. Giữa ba cấp độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng theo thứ tự nên theo tỉ lệ phù hợp với chủ đề, nội dung và trình độ, năng lực của học sinh.
- + Căn cứ vào số điểm đã xác định ở B5 để quyết định số điểm và câu hỏi tương ứng, trong đó mỗi câu hỏi dạng trắc nghiệm khách quan phải có số điểm bằng nhau.
- + Nếu đề kiểm tra kết hợp cả hai hình thức trắc nghiệm khách quan và tự luận thì cần xác định tỉ lệ % tổng số điểm của mỗi hình thức sao cho thích hợp.

### **Hoạt động 3: Thực hiện viết đề kiểm tra tự luận và trắc nghiệm khách quan.**

Dựa vào hiểu biết và kinh nghiệm của mình, bạn hãy thực hiện một số yêu cầu sau:

- \* *Xây dựng một đề kiểm tra; thiết kế đáp án và thang điểm.*

- \* *Chia sẻ với đồng nghiệp về đề kiểm tra, chỉ ra những lỗi mắc phải khi viết đề kiểm tra tự luận.*
- \* *Nêu cách chấm bài tự luận đảm bảo khách quan.*

Bạn hãy đọc những thông tin dưới đây để nắm vững hơn kĩ thuật xây dựng đề kiểm tra, thiết kế đáp án và thang điểm cho một đề kiểm tra.

#### THÔNG TIN PHẢN HỒI

Câu hỏi kiểm tra cần được diễn đạt một cách rõ ràng, chú ý đến cấu trúc ngữ pháp. Từ ngữ lựa chọn phải chính xác, nên thử nhiều cách đặt câu hỏi và lựa chọn cách đặt câu hỏi đơn giản nhất, tránh tăng mức độ khó

của câu hỏi bằng cách diễn đạt câu phức tạp, tránh có những từ thừa hay những câu thừa.

Cần xác định được thời gian cần cho việc trả lời câu hỏi. Đối với những câu trả lời giới hạn, có thể dễ ước lượng thời gian trả lời cho mỗi câu. Còn đối với những câu trả lời mở rộng, khó hơn trong việc ước lượng thời gian cần thiết thì câu hỏi cần đảm bảo cho học sinh viết chậm cũng có thể hoàn thành được bài viết.

Một trong những cách có thể cải tiến câu tự luận để nâng cao độ tin cậy là tăng số câu hỏi trong bài kiểm tra, giảm độ dài ở phần trả lời của mỗi câu. Những câu quá dài và tổng quát có thể phân ra làm nhiều câu hỏi ngắn, có giới hạn độ dài của mỗi câu.

Chấm các câu tự luận thường khó vì mỗi học sinh có cách diễn đạt, cách cấu trúc và sắp xếp riêng, do đó, khi chấm bài kiểm tra, cần xác định thang điểm một cách chuẩn xác và chi tiết, trong đó đưa ra những câu trả lời có thể chấp nhận được và trọng số cho từng câu trả lời. Cần phải có một bảng hướng dẫn nêu rõ những khái niệm, những ý tưởng, những lập luận, khối lượng dài ngắn và một số vấn đề khác tạo nên một bài trả lời chấp nhận được. Mặt khác, cần dự kiến đưa ra một số vấn đề có thể xuất hiện trong bài làm để có cách xử lí và cho điểm.

Có hai cách chấm điểm là chấm theo kiểu phân tích và chấm theo kiểu phân loại nhóm, tuỳ theo mục đích kiểm tra, đánh giá.

- Thứ nhất là chấm theo kiểu phân tích, được tiến hành bằng cách cho điểm các câu trả lời căn cứ theo từng tiêu chí đã xác định. Như vậy trong bài sẽ có các điểm thành phần và sau đó cộng lại. Cách chấm này cần căn cứ và bám sát vào đáp án và thang điểm. Để có được hiệu quả cao ở cách chấm theo kiểu phân tích là chấm điểm đồng loạt từng câu một. Điều này sẽ giúp cho việc áp dụng tiêu chí nhất quán cho các câu, tránh sự thay đổi vô tình khi chấm, làm tăng tính khách quan.
- Thứ hai là chấm theo kiểu phân loại. Kiểu này đòi hỏi người chấm phải đọc sơ bộ tất cả các bài làm, sau đó phân loại bài theo các nhóm. Có thể phân thành ba loại hoặc năm loại. Việc chia nhóm được tiến hành trước khi cho điểm để người chấm có thể suy nghĩ, so sánh giữa các bài với nhau. Chấm theo cách này có thể tiến hành theo ba bước:
  - + Thứ nhất là: đọc tất cả các bài rồi xếp thành ba nhóm, hoặc năm nhóm lớn với tỉ lệ bằng nhau.

- + Thứ hai là: đọc lại các bài và mỗi nhóm lại tiếp tục chia thành ba hoặc năm nhóm nhỏ.
- + Thứ ba là: so sánh nhóm nhỏ cuối của nhóm lớn này với nhóm nhỏ đầu của nhóm lớn khác, nếu thấy có sự phân biệt tức là có thể chấp nhận được về sự phân loại.

Cách chấm theo kiểu phân loại có thể đánh giá tổng thể câu trả lời bằng một điểm số hoặc bằng xếp loại, điểm số có thể căn cứ vào ấn tượng chung hay tiêu chí nhất định và được đặt vào mốc ấn định các mức độ khác nhau về chất lượng bài làm. Tất nhiên việc lựa chọn cách chấm nào là phụ thuộc vào mục đích của đánh giá. Thông thường, để phân loại, sắp xếp học sinh vào các nhóm khác nhau theo mục đích nào đó thì có thể chấm theo kiểu phân loại. Để xác định mức độ mà người học đạt được các mục tiêu đặt ra như thế nào thì cần căn cứ vào những tiêu chí cụ thể, chi tiết.

Việc chấm điểm bài tự luận cần có sự độc lập giữa những người chấm. Người chấm sau không nên biết người chấm trước đã cho bao nhiêu điểm, người chấm không nên biết tên học sinh hoặc lớp học sinh để tránh sự ảnh hưởng của ấn tượng, đảm bảo tính khách quan.

#### **Hoạt động 4: Thực hành viết hệ thống câu trắc nghiệm khách quan.**

*Bạn đã từng soạn các câu hỏi trắc nghiệm khách quan để kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh. Bạn hãy nhớ lại và viết các câu trắc nghiệm khách quan ở một chương cụ thể của môn học đang giảng dạy dựa theo bảng đặc trưng đã xác định.*

Bạn hãy đọc những thông tin dưới đây để nắm vững hơn kĩ thuật xây dựng các câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh.

#### THÔNG TIN PHÂN HỒI

- \* *Các yêu cầu đối với câu hỏi trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn*
  - Đối với phần câu dẫn phải diễn đạt một cách rõ ràng. Có thể dùng một câu hỏi hay một câu nhận định không đầy đủ làm câu dẫn, không nên đưa quá nhiều tư liệu vào câu dẫn. Tránh sử dụng các câu dẫn mang tính phủ định. Tuy nhiên, nếu đưa câu phủ định vào câu dẫn thì cần gạch dưới chữ “không” để nhấn mạnh.
  - Các phương án trả lời cần được viết sao cho có cùng văn phong và tương đương nhau về độ dài.
  - Không nên có sự khác biệt về cách diễn đạt giữa câu trả lời đúng và các câu nhiễu vì người trả lời có thể sẽ dựa vào một số yếu tố nào đó để phát hiện câu đúng chứ không dựa vào kiến thức. Lời thường hay gặp phải đó là các câu đúng thường dài hơn, phức tạp và chi tiết hơn.
  - Câu dẫn và các phương án trả lời đều hợp nhau về ngữ pháp khi ghép chúng với nhau, tránh sử dụng trong các phương án trả lời các cụm từ như “Tất cả những từ trên” hay “Tất cả những câu trên” hoặc “Không có câu nào ở trên”.
  - Các phương án nhiễu cần diễn đạt sao cho có vẻ hợp lý và có sức hấp dẫn như nhau. Nếu thể hiện sự sai một cách hiển nhiên sẽ không có giá trị.

Để viết được câu nhiều hay thì cần xác định được các lỗi chung mà người học thường hay lầm tưởng.

- Cần sắp xếp các phương án trả lời trong các câu hỏi theo vị trí ngẫu nhiên, không nên theo một trình tự máy móc. Nên hạn chế sử dụng phương án “Tất cả những câu trên” hoặc “Không có câu nào ở trên”, hoặc đưa ra sự lựa chọn cho 2 phương án nào đó.
- Câu hỏi phải đánh giá những nội dung quan trọng của chương trình.
- Câu hỏi phải phù hợp với các tiêu chí ra đề kiểm tra về mặt trình bày và số điểm tương ứng.
- Câu dẫn phải đặt ra câu hỏi trực tiếp hoặc một vấn đề cụ thể.
- Không nên trích dẫn nguyên văn những câu có sẵn trong sách giáo khoa.
- Từ ngữ, cấu trúc của câu hỏi phải rõ ràng và dễ hiểu đối với mọi học sinh.
- Mỗi phương án nhiều phải hợp lý đối với những học sinh không nắm vững kiến thức.
- Mỗi phương án sai nên xây dựng dựa trên các lỗi hay nhận thức sai lệch của học sinh.
- Đáp án đúng của câu hỏi này phải độc lập với đáp án đúng của các câu hỏi khác trong bài kiểm tra.
- Phản lựa chọn phải thống nhất và phù hợp với nội dung của câu dẫn.
- Mỗi câu hỏi chỉ có một đáp án đúng, chính xác nhất.
- Không đưa ra phương án “Tất cả các đáp án trên đều đúng” hoặc “Không có phương án nào đúng”.

\* *Yêu cầu viết loại câu đúng – sai*

- Loại câu này đòi hỏi học sinh phải lựa chọn một trong hai phương án, có thể là đúng hoặc không đúng. Cũng có thể là có hoặc không có, đồng ý hay không đồng ý.
- Câu đúng – sai cần phải viết thật ngắn gọn, tránh mờ hồ, câu hỏi phải được xếp một cách chính xác là đúng, hay sai.
- Tránh việc trích dẫn nguyên mẫu trong sách giáo khoa bởi vì khi tách chúng ra có thể không còn đúng hoàn toàn như trước nữa.
- Tránh những câu nhận định mang tính phủ định, đặc biệt là phủ định kép. Nếu dùng câu phủ định hay phủ định kép thì nên gạch dưới chữ không để phân biệt rõ.
- Nên tránh sử dụng các sự kiện hay các từ không quan trọng hoặc là quá vụn vặt, tiểu tiết.

- Tránh những câu mà trả lời sai chỉ phụ thuộc vào một từ hay một câu quan trọng.
- Không nên dùng toàn những câu đòi hỏi trả lời đúng, cũng không nên dùng toàn những câu đòi hỏi trả lời sai, nên dùng mỗi loại một nửa.
- Không nên viết câu theo kiểu “bẫy” học sinh, chẳng hạn như thêm vào hay bớt đi một vài từ vụn vặt nào đó để thay đổi ý nghĩa.
- \* *Gợi ý để viết câu diễn vào chỗ trống*

Câu diễn vào chỗ trống thể hiện một dạng của câu trả lời ngắn. Khi viết loại câu hỏi này, không nên để quá nhiều khoảng trống trong một câu, bởi vì có quá nhiều khoảng trống sẽ làm cho các câu trả lời rắc rối, khó hiểu. Đối với loại câu diễn vào chỗ trống cũng nên hạn chế dùng nguyên mẫu những câu lấy từ trong sách giáo khoa, bởi vì những câu đó thường có ý nghĩa khi nằm trong ngữ cảnh cụ thể.

- \* *Gợi ý để viết loại câu ghép đôi*
- Loại câu ghép đôi bao gồm hai cột, một cột xếp theo chữ cái, một cột xếp theo chữ số, yêu cầu học sinh chọn chữ cái và số để ghép lại. Cần nêu rõ trong hướng dẫn cách thức trả lời để người trả lời biết rõ là mỗi câu trả lời có thể được sử dụng một lần hay hơn. Đối với học sinh nhỏ, có thể cho vẽ các đường để nối hai cột với nhau.
- Khi viết loại câu ghép đôi cần sắp xếp các danh mục một cách rõ ràng, đảm bảo sao cho hai danh mục phải đồng nhất. Khi viết câu hỏi nên giải thích rõ cơ sở để ghép đôi hai cột trong câu.
- Cần tránh việc sắp xếp các danh mục trong câu để có thể tạo nên sự ghép đôi đúng theo kiểu 1 – 1. Nên tạo sự ghép đôi đúng một cách ngẫu nhiên. Các danh mục ở hai cột nên có số lượng không bằng nhau.
- Danh mục ở hai cột không nên quá nhiều, nên chỉ dùng khoảng 8 danh mục trở lại, nếu sử dụng quá nhiều danh mục thì học sinh sẽ mất nhiều thời gian và cũng dễ mắc lỗi.
- Các câu nên diễn đạt ngắn gọn và sắp xếp lôgic.

#### **Hoạt động 5: Thực hành phân tích câu trắc nghiệm khách quan nhiều lựa chọn.**

Bạn hãy đọc những câu hỏi trắc nghiệm khách quan sau đây và chỉ ra độ khó, độ phân biệt và độ lôi cuốn vào các câu trả lời của những câu hỏi này.<sup>(\*)</sup>

---

<sup>(\*)</sup> Trích: Huỳnh Văn Thắng, *Đề kiểm tra Ngữ văn 6*, NXB Đại học Sư phạm, 2013.

Câu 1: Hình ảnh nào sau đây không phải là hình ảnh nhân hoá?

- A. Cây dừa sải tay bơi.
- B. Cỏ già rung tai.
- C. Kiến hành quân đầy đường.
- D. Bố em đi cày về.

Câu 2: Câu thơ "Một tiếng chim kêu sáng cả rừng" thuộc kiểu ẩn dụ nào?

- A. Ẩn dụ hình thức
- B. Ẩn dụ cách thức
- C. Ẩn dụ phẩm chất
- D. Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác

Câu 3: Hai câu thơ sau thuộc kiểu hoán dụ nào?

Vì sao? Trái đất nặng ân tình

Nhắc mãi tên người: Hồ Chí Minh.

- A. Lấy bộ phận để gọi toàn thể.
- B. Lấy vật chứa đựng để gọi vật bị chứa đựng.
- C. Lấy dấu hiệu của sự vật để gọi sự vật.
- D. Lấy cái cụ thể để gọi cái trừu tượng.

Câu 4: Trong câu: "Rừng được dựng lên cao ngất như hai dây núi trường thành vô tận" có sử dụng phép:

- A. Hoán dụ
- B. Ẩn dụ
- C. So sánh
- D. Nhân hoá

Câu 5: Có mấy kiểu ẩn dụ thường gặp?

- A. Hai kiểu
- B. Ba kiểu
- C. Bốn kiểu
- D. Năm kiểu

Câu 6: Hai câu thơ:

Ngôi nhà như nhô lại

Lớn lên với trời xanh

Là loại so sánh nào?

- A. Người với người
- B. Vật với vật
- C. Vật với người
- D. Cái cụ thể với cái trừu tượng

Câu 7: Câu trấn thuật có từ "là" sau đây thuộc kiểu câu nào?

Quê hương là chùm khế ngọt

- A. Câu định nghĩa
- B. Câu giới thiệu
- C. Câu miêu tả
- D. Câu đánh giá

Bạn hãy đọc những thông tin dưới đây để hiểu rõ hơn về kĩ thuật xác định độ khó, độ phân biệt và độ lôi cuốn trả lời các câu hỏi trắc nghiệm.

## THÔNG TIN PHẦN HỒI

### \* *Cách tính độ khó của câu trắc nghiệm*

Cách tính độ khó thông dụng nhất của câu trắc nghiệm là tính tỉ lệ phần trăm số người trả lời đúng câu trắc nghiệm.

$$\text{Độ khó của câu trắc nghiệm thứ } i = \frac{\text{Số người trả lời đúng câu } i}{\text{Số người làm bài trắc nghiệm}}$$

Một cách tính đơn giản khác được tính theo công thức sau:

$$\text{ĐK (Độ khó)} = \frac{N_c + N_t}{2n}$$

Trong đó:

n: Số học sinh của mỗi nhóm (nhóm cao và nhóm thấp). Nhóm cao gồm những người đạt điểm cao ở toàn bài trắc nghiệm, chiếm 27% tổng số người tham gia làm trắc nghiệm. Nhóm thấp gồm những người đạt điểm thấp ở toàn bài trắc nghiệm, chiếm 27% tổng số người làm trắc nghiệm.

N<sub>c</sub>: Số người trả lời đúng của nhóm cao.

N<sub>t</sub>: Số người trả lời đúng của nhóm thấp.

Việc sử dụng trị số độ khó theo cách tính trên cho thấy rõ mức độ khó, dễ phụ thuộc vào cả câu trắc nghiệm và cả người trả lời. Ngoài ra, đại lượng phản ánh độ khó, dễ của bài trắc nghiệm cũng phụ thuộc vào các lĩnh vực khoa học khác nhau đối với từng đối tượng cụ thể.

Giá trị chỉ số độ khó thay đổi từ 0 đến 1, các câu trắc nghiệm trong bài trắc nghiệm thường có các độ khó khác nhau, giá trị độ khó càng nhỏ thì câu trắc nghiệm càng khó và ngược lại, giá trị độ khó càng lớn thì thể hiện câu trắc nghiệm càng dễ.

Như vậy, độ khó có giá trị như thế nào thì câu trắc nghiệm có thể được xem là câu có độ khó trung bình?

### \* *Cách tính độ phân biệt*

Có nhiều cách tính độ phân biệt của câu trắc nghiệm. Một trong những cách tính đơn giản và thông dụng là:

$$\text{ĐPB} = \frac{N_c - N_t}{n}$$

Trong đó:

n: Số học sinh của mỗi nhóm (nhóm cao bằng nhóm thấp). Nhóm cao gồm những người đạt điểm cao ở toàn bài trắc nghiệm, chiếm 27% tổng số

người tham gia làm trắc nghiệm. Nhóm thấp gồm những người đạt điểm thấp ở toàn bài trắc nghiệm, chiếm 27% tổng số người làm trắc nghiệm).

Nc: Số người trả lời đúng của nhóm cao.

Nt: Số người trả lời đúng của nhóm thấp.

Cách tính thứ hai là lấy tỉ lệ phần trăm làm đúng câu trắc nghiệm trong nhóm cao trừ đi tỉ lệ phần trăm làm đúng trong nhóm thấp. Cách này cũng cho ra trị số độ phân biệt tương tự như cách đã nêu ở trên. Giá trị độ phân biệt của câu trắc nghiệm thay đổi từ -1 đến +1.

Yêu cầu về chỉ số độ phân biệt bao nhiêu là được? Khi xét yêu cầu về chỉ số độ phân biệt cần căn cứ vào mục đích trắc nghiệm. Nếu bài trắc nghiệm theo chuẩn (nhằm mục đích phân biệt, lựa chọn học sinh) thì cần những câu trắc nghiệm có chỉ số về độ phân biệt cao. Còn bài trắc nghiệm theo tiêu chí (xác định mức độ đạt được mục tiêu môn học) thì chỉ số này không quan trọng.

Thông thường, bài trắc nghiệm theo chuẩn có độ phân biệt từ 0,30 trở lên là tốt, đôi khi cũng chấp nhận chỉ số 0,20. Lúc đó cần phải xem xét các chỉ số khác nữa. Bài trắc nghiệm theo tiêu chí thì chỉ số về độ phân biệt không nhất thiết phải loại bỏ câu hỏi, nhưng nếu độ phân biệt là âm thì cần phải xem lại hoặc loại bỏ câu trắc nghiệm.

Một số quy tắc để đánh giá sơ bộ độ phân biệt là:

- Số học sinh của nhóm cao và nhóm thấp cùng đạt được số câu hỏi đúng như nhau thì độ phân biệt của câu hỏi bằng 0.
- Số học sinh của nhóm cao đạt được số câu hỏi đúng nhiều hơn số học sinh ở nhóm thấp thì độ phân biệt là dương.
- Số học sinh của nhóm cao đạt được số câu hỏi đúng ít hơn số học sinh ở nhóm thấp thì độ phân biệt là âm.

Độ phân biệt của một câu trắc nghiệm hay của một bài trắc nghiệm có liên quan đến độ khó. Nếu một bài trắc nghiệm dễ đến mức mọi học sinh đều làm tốt, các điểm số đạt được sẽ chum ở phần điểm cao, thì độ phân biệt của nó rất kém. Nếu một bài trắc nghiệm khó đến mức mọi học sinh đều không làm được, các điểm số chum ở phần điểm thấp thì độ phân biệt của nó cũng rất kém. Như vậy, muốn có độ phân biệt tốt thì bài trắc nghiệm cần phải có độ khó ở mức trung bình, khi đó điểm số thu được sẽ được trải rộng.

- \* *Mức độ lối cuốn vào các phương án trả lời (đối với câu nhiều lựa chọn)*  
Riêng đối với câu trắc nghiệm khách quan loại câu nhiều lựa chọn, ngoài

hai chỉ số về độ khó và độ phân biệt, còn có một chỉ số nữa cần quan tâm phân tích, đó là mức độ lôi cuốn vào các phương án trả lời.

Khi phân tích mức độ lôi cuốn học sinh vào các phương án trả lời cho sẵn ở từng câu trắc nghiệm, phải xem xét cụ thể tần số lựa chọn ở từng phương án trả lời đó. Nếu một hay vài phương án trong số các phương án nhiều của câu nhiều lựa chọn lại không có ai trả lời (kể cả những học sinh có điểm kém ở toàn bài trắc nghiệm) thì chứng tỏ các phương án đó là sai hiển nhiên, không có sức hấp dẫn gì.

Trong trường hợp một phương án nhiều có quá nhiều học sinh lựa chọn, thậm chí hơn rất nhiều so với phương án đúng, điều này chứng tỏ có sự hiểu lầm nào đó giữa phương án đúng và phương án nhiều. Do đó đối với câu nhiều lựa chọn, cần phải phân tích tỉ mỉ từng phương án trả lời. Nguyên tắc làm căn cứ cho việc phân tích các phương án trả lời ở câu trắc nghiệm là:

- Phương án trả lời đúng phải tương quan thuận với tiêu chí (các nhóm cao và các nhóm thấp là nhóm tiêu chí), tức là với câu trả lời đúng, số sinh viên ở nhóm cao lựa chọn nhiều hơn ở nhóm thấp.
- Phương án trả lời sai phải tương quan nghịch với tiêu chí, tức là số học sinh ở nhóm cao lựa chọn câu này ít hơn số học sinh lựa chọn câu này ở nhóm thấp.
- Cần đặc biệt chú ý là ở phương án đúng, tỉ lệ lựa chọn của nhóm cao phải nhiều hơn nhóm thấp; ở phương án sai, tỉ lệ lựa chọn của nhóm thấp nhiều hơn nhóm cao.

### **III. BÀI TẬP ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG 1**

1. Hãy nêu và đánh giá các bước xây dựng để kiểm tra hiện nay trong thực tiễn kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh THCS (chỉ ra ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân của hạn chế).
2. Tại sao khi thiết kế đề kiểm tra cần phải thành lập bảng đặc trưng? Khi xác định trọng số cho bảng đặc trưng cần căn cứ vào những cơ sở nào?
3. Hãy xây dựng một bảng đặc trưng để đánh giá kết quả học tập ở một chương (hoặc một phần) của nội dung chương trình môn học.
4. Thực hành viết từng loại câu hỏi kiểm tra: câu hỏi dạng tự luận, trắc nghiệm khách quan.
5. Thực hành phân tích câu trắc nghiệm qua các thông số thu được từ bài kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh.

## **Nội dung 2**

---

### **CÁC KĨ THUẬT KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ HỖ TRỢ CHO DẠY HỌC CÓ HIỆU QUẢ**

#### **I. MỤC TIÊU**

Học xong nội dung này, học viên sẽ:

- Xác định được những tác động của kiểm tra, đánh giá tới nâng cao hiệu quả dạy học.
- Tiến hành các kĩ thuật phân tích kết quả đánh giá để điều chỉnh, hỗ trợ quá trình dạy học.
- Có niềm tin và coi trọng việc sử dụng các kĩ thuật kiểm tra, đánh giá để nâng cao hiệu quả dạy học.

#### **II. CÁC HOẠT ĐỘNG**

##### **Hoạt động 1: Xác định mối quan hệ giữa dạy học và kiểm tra, đánh giá.**

Dựa vào kinh nghiệm thực tiễn của mình, bạn hãy viết ra suy nghĩ của mình để thực hiện một số yêu cầu sau:

- \* *Kiểm tra, đánh giá có tác động như thế nào tới việc nâng cao hiệu quả dạy học? Minh họa chung từ thực tiễn dạy học và kiểm tra, đánh giá.*
- Tác động của kiểm tra, đánh giá đến hiệu quả dạy học:

- Ví dụ minh họa:

\* Hãy điền vào bảng sau:

Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập	Thực hiện chức năng hỗ trợ dạy học	Thực hiện chức năng xác nhận
Mục đích		
Thời điểm		
Tần số đánh giá		
Sử dụng thông tin		
Tính chính thức của kết quả		

- \* Trong quá trình dạy học, bạn thường xuyên thu thông tin gì ở học sinh? Thu thông tin bằng cách nào? Tác dụng của việc thu thông tin đó?

Bạn hãy đổi chiều những nội dung vừa viết với những thông tin dưới đây và tự hoàn thiện những nội dung đã viết.

#### THÔNG TIN PHÂN HỒI

- \* *Dánh giá kết quả học tập nhằm hỗ trợ nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học:*
  - Dánh giá giúp cho giáo viên thu được những thông tin từ học sinh, phát hiện thực trạng kết quả học tập của họ cũng như những nguyên nhân cơ bản dẫn tới thực trạng kết quả đó. Đây là cơ sở thực tế để giáo viên điều chỉnh, hoàn thiện hoạt động của học sinh và hướng dẫn họ tự điều chỉnh, tự hoàn thiện hoạt động học của bản thân mình.
  - Giáo viên cần biết rõ là nội dung đã được dạy và học đủ chưa, cần bổ sung gì, phương pháp dạy học đã phù hợp chưa, cần hỗ trợ thêm cho người học như thế nào. Muốn biết rõ những điều đó và để có những quyết định phù hợp, giáo viên phải căn cứ vào kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.
  - Thông qua kiểm tra, đánh giá, giáo viên biết được trình độ người học, những điểm yếu của sinh viên trước khi vào học. Điều này rất quan trọng đối với các khoá học ngắn hạn, bồi dưỡng nâng cao vì nó giúp giáo viên xác định được nhu cầu của người học để có thể đề ra mục tiêu học tập sát hợp.

- Kết quả đánh giá quá trình cho phép theo dõi, đánh giá sự tiến bộ hoặc hạn chế của người học. Kết quả đánh giá cuối khoá cho phép đo sự gia tăng kiến thức, kỹ năng, năng lực của người học sau khoá đào tạo.
  - Đánh giá kết quả học tập của học sinh được tiến hành tốt giúp cho họ có cơ hội để củng cố tri thức, phát triển trí tuệ. Thông qua đánh giá tạo điều kiện cho học sinh tái hiện, chính xác hoá tri thức, hoàn thiện, dào sâu, hệ thống hoá tri thức, rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo vận dụng tri thức, phát triển năng lực tư duy sáng tạo.
  - Đánh giá thúc đẩy học sinh học tập.
  - + Thông báo kịp thời cho học sinh biết tiến bộ của họ, có tác dụng thúc bách học sinh học tập, động viên, khích lệ họ học nhiều hơn, tốt hơn, chỉ cho họ thấy những nội dung nào chưa tốt, nội dung nào cần học thêm, học lại...
  - + Đánh giá giúp hình thành cho HS nhu cầu thói quen tự đánh giá, nâng cao tinh thần trách nhiệm, ý chí vươn lên trong học tập và rèn luyện.
  - Đánh giá làm cơ sở để có những quyết định hợp lý.
  - Đánh giá nâng cao chất lượng dạy học.
  - + Giúp cho giáo viên thu được những thông tin ngược từ học sinh, phát hiện thực trạng kết quả học tập của học sinh cũng như những nguyên nhân cơ bản dẫn tới thực trạng kết quả đó. Đây là cơ sở thực tế để giáo viên điều chỉnh hoạt động của học sinh và hướng dẫn học sinh tự điều chỉnh hoạt động học của bản thân mình.
  - + Giúp cho học sinh có cơ hội để củng cố tri thức, phát triển trí tuệ. Thông qua đánh giá tạo điều kiện cho học sinh tái hiện, chính xác hoá tri thức, hoàn thiện, khắc sâu những tri thức đã thu lượm được. Đánh giá tri thức giúp cho học sinh củng cố, dào sâu, hệ thống hoá tri thức, rèn luyện kỹ năng, kỹ xảo vận dụng tri thức, phát triển năng lực tư duy sáng tạo
  - Nâng cao tinh thần trách nhiệm trong học tập, rèn luyện một số phẩm chất tích cực cho HS (tinh ki luật, tinh tự giác và ý chí vươn lên trong học tập).
- Kiểm tra, đánh giá được tiến hành đúng đắn sẽ củng cố cho học sinh tính kiên định, cẩn thận, tự tin vào khả năng của mình, tạo dư luận lành mạnh trong tập thể, tăng cường mối quan hệ thầy trò.
- \* *Quan sát hằng ngày để thu các thông tin về:*
  - Sự tham gia của học sinh vào thảo luận;
  - Các câu hỏi của học sinh đưa ra;
  - Kỹ năng làm việc nhóm;

- Độ chuẩn xác trong câu trả lời của học sinh;
  - Cách phản ứng của học sinh đối với bài tập, điểm kiểm tra;
  - Sự chú ý của học sinh;
  - Hứng thú của học sinh...
- \* *Dặt câu hỏi để thu thông tin:*
- Sự hiểu bài của học sinh;
  - Học sinh có thể hiện được kỹ năng không;
  - Sự tiến bộ của học sinh.
- \* *Vai trò của đặt câu hỏi:*
- Lôi cuốn học sinh tham gia vào bài học;
  - Khuyến khích tư duy của học sinh;
  - Giúp học sinh ôn lại những nội dung quan trọng;
  - Điều khiển hoạt động nhận thức của học sinh.

## **Hoạt động 2: Thực hiện kĩ thuật quan sát để điều chỉnh, hỗ trợ quá trình dạy học.**

Hãy nhớ lại các tiết dạy của bạn và trả lời câu hỏi sau:

- \* *Khi quan sát học sinh, bạn đã sử dụng công cụ nào để hỗ trợ cho quá trình quan sát đánh giá kỹ năng, thái độ học tập của học sinh học trong giờ học?*
  
  
  
  
  
  
  
  
  
- \* *Thử mô tả sự tiến bộ của một học sinh qua các thông tin thu được từ quan sát. Hãy đưa ra những lời khuyên để quan sát có hiệu quả.*

- \* *Dựa vào hiểu biết và kinh nghiệm của mình, bạn hãy xây dựng các công cụ quan sát cụ thể cho một đối tượng cụ thể theo mục đích và nội dung cụ thể trong một giờ học của bạn.*

Bạn hãy đổi chiều những nội dung vừa viết với những thông tin dưới đây và tự hoàn thiện những nội dung đã viết.

#### THÔNG TIN PHẢN HỒI

- \* *Các công cụ quan sát:*
- Biểu đồ tham dự là một công cụ quan sát để đánh giá sự tham gia của học sinh trong hoạt động của nhóm nhỏ. Ví dụ về biểu đồ tham dự của học sinh trong buổi thảo luận:

Tên học sinh	Chủ đề thảo luận			
	Mức độ tham gia			
	1	2	3	4
A				
B				
C				
D				
E				

- Đưa ra ý kiến mới, sáng tạo và quan trọng.
- Ý kiến tương đối quan trọng.
- Ý kiến chưa thuyết phục.
- Ý kiến không xác đáng.

Cũng có thể thiết kế biểu đồ tham dự quan sát về sự tham gia của học sinh vào nhóm nhỏ một cách nhiệt tình hay thờ ơ, hoặc làm giảm hiệu quả.

- Bảng kiểm tra giúp người quan sát có thể ghi lại một cách nhanh chóng và có hiệu quả xem một đặc trưng có xuất hiện không, nhưng không cho biết mức độ thường xuyên của đặc trưng đó. Ví dụ bảng kiểm tra dưới đây:

Họ tên học sinh .....

Trường ..... Lớp .....

Ngày .....

Bối cảnh .....

Người quan sát .....

**Hướng dẫn:** Những liệt kê ở dưới là các đặc trưng liên quan tới mối quan tâm đến người khác. Hãy xem xét đặc trưng nào phù hợp với học sinh trên (dán dấu X vào những đặc điểm có xuất hiện, 0 vào những đặc điểm không xuất hiện).

Thứ tự	Những đặc điểm	Xuất hiện
1		
2		
3		
.....		.....

- Thang đánh giá được coi như một công cụ sử dụng thông dụng để đánh giá thái độ, giúp cho việc đánh giá học sinh ở một loạt các đặc điểm như: tính kỷ luật, lòng nhiệt tình, sự quan tâm, tính đúng giờ... Thang đánh giá rất có ích trong việc đánh giá quy trình, sản phẩm và sự phát triển cá nhân.

Thang đánh giá số là loại thang đánh giá đơn giản nhất, người đánh giá chỉ đánh số điểm chỉ ra mức độ mà một đặc điểm thể hiện.

Thang đánh giá mô tả là hình thức phổ biến nhất của thang đánh giá, nó tương tự như thang đánh giá số mà trong đó người đánh giá được yêu cầu để định ra giá trị nào đó ở một đặc điểm cụ thể. Tuy nhiên, nó được biểu thị dưới hình thức mô tả. Chẳng hạn, quan sát sự nhiệt tình của học sinh trong một hoạt động thể hiện:

1. Rất nhiệt tình;
2. Nhiệt tình;
3. Ít nhiệt tình;
4. Không nhiệt tình;
5. Rất không nhiệt tình.

Hoặc những sai sót trong hướng dẫn một hoạt động nhóm, thể hiện:

1. Rất nhiều sai sót;
2. Nhiều sai sót;
3. Có một số sai sót;
4. Ít sai sót;
5. Rất ít sai sót.

Điểm quan trọng đối với cả thang số và thang mô tả là số điểm trên các dòng cần được mô tả cụ thể, rõ ràng để người đánh giá hiểu được ý nghĩa cụ thể của nó.

Trong thang đánh giá, các hành vi được liệt kê chỉ ra sự xuất hiện hay không xuất hiện của đặc điểm được quan sát, cũng có thể chỉ ra tần số hành vi xuất hiện, hoặc một thang bậc bao gồm các mức độ cho mỗi hành vi (như: liên tục, thường xuyên, đôi khi, hiếm khi, không bao giờ).

Thang xếp loại đòi hỏi người đánh giá ấn định số cho mỗi học sinh xếp từ cao đến thấp dựa trên các đặc điểm được đánh giá. Phương pháp này rất công kênh khi có số lượng lớn học sinh hoặc có nhiều đặc điểm được xếp loại. Thông thường, các đặc điểm được xếp loại tối đa là 7 và số người xếp loại cũng cần hạn chế. Nếu cố gắng xếp loại quá nhiều học sinh hoặc quá nhiều đặc điểm thì mức độ tin cậy và sự hợp lý của đó lường sẽ bị ảnh hưởng. Mặt khác, có sự khác nhau giữa những người xếp loại và đối tượng được xếp loại ở mỗi tập hợp khác nhau.

Tuy nhiên, xếp loại khó phản ánh được cụ thể thái độ của học sinh. Chẳng hạn, với một đặc điểm nào đó mà một học sinh đứng thứ 3 của lớp này nhưng lại nổi trội hơn hẳn học sinh cũng đứng thứ 3 của lớp khác. Hơn

nữa, những học sinh ở phía đầu và ở phía cuối thì thể hiện rõ rệt, nhưng những học sinh ở giữa thì khó sắp xếp thứ tự, vì gần giống nhau.

Một trong những sự phức tạp của thang đánh giá là sự quan sát phải được diễn ra trong khoảng thời gian dài. Một số lỗi sai khi sử dụng thang đánh giá thường là ở người đánh giá, thang đánh giá, ở đặc điểm được đánh giá và những điều kiện để người đánh giá quan sát được đầy đủ. Các lỗi này thường thể hiện như:

- Sự không rõ ràng và đầy đủ của đặc điểm được đánh giá, nó sẽ làm cho người đánh giá không chắc chắn là sẽ đánh giá cái gì.
- Thể hiện ở tính chủ quan của người đánh giá (cảm tính, sự khắt khe, kinh nghiệm, trình độ...).
- \* *Một số gợi ý khi sử dụng thang đánh giá*

Dối với thang đánh giá, cần nhận biết lĩnh vực của các đặc điểm cụ thể cần đánh giá, chỉ rõ các đặc điểm được đánh giá và các đặc điểm được sử dụng trên thang đánh giá, đánh giá dựa trên mỗi yếu tố cụ thể và nó cũng cần được chia nhỏ hơn.

Dối với người đánh giá, cần phải tiến hành đánh giá một cách chính xác. Cần lựa chọn những người đánh giá một cách khách quan, không thiên vị.

Dối với cách sử dụng thang đánh giá, nên kết hợp các loại thang đánh giá. Nhìn chung, số lượng thang đánh giá và số lượng người đánh giá độc lập lớn thì độ tin cậy lớn.

Tất cả số người được đánh giá trên cùng một đặc điểm rồi sau đó chuyển sang đặc điểm thứ hai. Đưa ra đánh giá càng sớm càng tốt ngay sau khi quan sát.

### **Hoạt động 3: Thực hiện kỹ thuật đặt câu hỏi để điều chỉnh, hỗ trợ quá trình dạy học.**

Dựa vào hiểu biết và kinh nghiệm của mình, bạn hãy viết ra những suy nghĩ của mình để thực hiện một số yêu cầu sau:

- \* *Chỉ ra vai trò của việc đặt câu hỏi trong dạy học.*

- \* *Dánh giá những ưu điểm và hạn chế của việc đặt câu hỏi trong thực tiễn dạy học hiện nay.*
  - **Ưu điểm:**
  - **Hạn chế:**
- \* *Bằng kinh nghiệm thực tiễn dạy học của bản thân, hãy cho những lời khuyên để sử dụng kỹ thuật đặt câu hỏi hỗ trợ tốt cho quá trình dạy học.*

Bạn hãy đối chiếu những nội dung vừa viết với những thông tin dưới đây và tự hoàn thiện những nội dung đã viết.

## THÔNG TIN PHẢN HỒI

- \* *Vai trò của đặt câu hỏi trong dạy học:*
  - Đặt câu hỏi là phương pháp rất quan trọng, dễ điều khiển hoạt động nhận thức của học sinh, giáo viên có khả năng chỉ đạo nhận thức của cả lớp và của từng học sinh.
  - Giúp cho học sinh thực sự hiểu bài và trang bị cho các em các kỹ năng tư duy cấp cao.
  - Kích thích học sinh tích cực độc lập tư duy, khuyến khích học sinh tích cực suy nghĩ và tự lực. Học sinh phải tư duy tích cực độc lập để tìm ra câu trả lời chính xác, đầy đủ, gọn gàng nhất, tìm ra câu trả lời tối ưu một cách nhanh chóng nhất.
  - Bồi dưỡng cho học sinh phát triển năng lực diễn đạt bằng lời những vấn đề khoa học.
  - Cung cấp kịp thời cho giáo viên những thông tin phản hồi nhanh chóng để biết được học sinh có hiểu bài hay không; khám phá thái độ của học sinh, kiểm tra hiệu quả của việc dạy, kịp thời điều chỉnh hoạt động dạy và hoạt động học.
  - Tạo sự sinh động trong giờ học, tăng sự quan tâm của học sinh.
- \* *Những ưu điểm và hạn chế của đặt câu hỏi trong thực tiễn dạy học (Bạn tự nêu theo gợi ý sau):*
  - Về chất lượng câu hỏi;
  - Về cách đặt câu hỏi;
  - Về cách phản hồi thông tin từ người trả lời.
- \* *Một số yêu cầu về đặt câu hỏi:*
  - Đối với câu hỏi:
    - + Câu hỏi đặt ra cho học sinh để học sinh có thể trả lời được.
    - + Câu hỏi cần ngắn gọn và rõ ràng, dễ hiểu.
    - + Nên hạn chế việc sử dụng những câu hỏi chỉ cần trả lời "có" hoặc "không".
  - Đối với cách hỏi:
    - + Đảm bảo cho học sinh có đủ thời gian để trả lời.
    - + Nên sử dụng thêm cử chỉ, ánh mắt, động tác để khuyến khích học sinh trả lời.
    - + Cần chăm chú theo dõi câu trả lời, khi cần đặt thêm câu hỏi phụ để gợi ý, dẫn dắt học sinh trả lời, nhằm tránh lãng phí thời gian chờ đợi học sinh trả lời.

- + Cần có thái độ bình tĩnh khi học sinh trả lời sai hoặc thiếu chính xác; tránh nôn nóng cắt ngang câu trả lời khi không cần thiết.
- + Cần khích lệ học sinh mạnh dạn nêu những câu hỏi để thu hút toàn lớp tham gia thảo luận, giải quyết vấn đề.
- + Có thể sử dụng một số kĩ thuật thăm dò để “thâm nhập” vào tư duy của học sinh:
  - Cách phản hồi thông tin từ câu trả lời của học sinh:
  - Nên có sự ghi nhận hoặc khen ngợi câu trả lời đúng của học sinh, không nên làm cho học sinh cảm thấy xấu hổ với câu trả lời của mình.
  - Nếu học sinh không trả lời được, gợi mở cách trả lời, hoặc có thể đặt một câu hỏi khác đơn giản hơn.
  - Cần chú ý không chỉ vào kết quả câu trả lời mà cả vào cách diễn đạt câu trả lời một cách chính xác, rõ ràng, lôgic.

### **III. BÀI TẬP ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG 2**

1. Từ thực tiễn giảng dạy, hãy phân tích những tác động tích cực của kiểm tra, đánh giá đến hiệu quả dạy học.
2. Phân tích ý nghĩa của kiểm tra, đánh giá thường xuyên đối với việc hỗ trợ cho dạy học có hiệu quả.
3. Trình bày phương pháp quan sát sử dụng trong đánh giá thái độ. Hãy thiết kế một thang mô tả để quan sát tính tích cực học tập của học sinh ở môn học cụ thể.
4. Hãy đánh giá việc sử dụng phương pháp quan sát của một giáo viên trong một giờ học mà bạn được dự.
5. Thiết kế một bảng kiểm tra để đánh giá thái độ của học sinh đối với một môn học mà bạn giảng dạy.
6. Thiết kế thang đánh giá (một thang số, một thang mô tả, một thang xếp loại) để đánh giá thái độ của học sinh đối với một môn học cụ thể.
7. Thực hành kĩ thuật đặt câu hỏi để giảng dạy có hiệu quả ở một nội dung cụ thể của môn học (thực hành theo nhóm môn dạy).
8. Tại sao cần có sự lựa chọn phương pháp đánh giá để đánh giá thái độ của học sinh? Những căn cứ nào để lựa chọn? Ví dụ minh họa cụ thể.



## D. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bloom B.S, *Nguyên tắc phân loại mục tiêu giáo dục (lĩnh vực nhận thức)*, Người dịch: Đoàn Văn Điều, Nxb Giáo dục, 1995.
2. Nguyễn Phụng Hoàng, *Phương pháp kiểm tra - đánh giá thành quả học tập*, Nxb Giáo dục, 1996.
3. Lê Đức Ngọc, *Tóm tắt về kỹ thuật kiểm tra, đánh giá*, Đại học Quốc gia Hà Nội, Trung tâm Đảm bảo chất lượng và Nghiên cứu phát triển giáo dục, 1997.
4. Trần Thị Tuyết Oanh, *Đánh giá và đo lường kết quả học tập*, Nxb Đại học Sư phạm, 2007.
5. Dương Thiệu Tống, *Trắc nghiệm và đo lường thành quả học tập (Phương pháp thực hành, tập I)*, Đại học Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 1995.
6. James H. McMillan, *Classroom Assessment, Principles and Practice for Effective Instruction*, A Pearson Education Company, Copyright 2001, 1997 by Allyn&Bacon.
7. Osterlind, S.J, *Constructing Test Items*, Kluwer Academic Publishers, London, 1992.
8. Popham W.L (editor), *Criterion - referenced Measurement*, Educational Technology Publication, Englewood cliffs, New Jersey, 1973.
9. Stodola, Q and Stordahl, K, *Basic Educational Test and Measurement*, Science Research Associates, Inc, 1967.

*Chịu trách nhiệm xuất bản:*

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chủ tịch HĐTV kiêm Tổng Giám đốc:

NGÔ TRẦN ÁI

Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập:

VŨ VĂN HÙNG

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Giám đốc:

NGUYỄN BÁ CƯỜNG

Tổng biên tập:

ĐINH VĂN VANG

*Chịu trách nhiệm nội dung:*

Tổng biên tập Nhà xuất bản Đại học Sư phạm ĐINH VĂN VANG

Phó Tổng biên tập Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam NGÔ ÁNH TUYẾT

Giám đốc CTCP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội CẨM HỮU HẢI

*Biên tập nội dung và sửa bản in:*

ĐẶNG MINH THỦY – NGUYỄN BÍCH LAN

*Thiết kế sách và chế bản:*

NGUYỄN NĂNG HÙNG

*Trình bày bìa:*

PHẠM VIỆT QUANG

Tài liệu bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên

TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC KIỂM TRA VÀ ĐÁNH GIÁ

KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH

**THCS 23 – THCS 24**

(Dành cho giáo viên trung học cơ sở)

Mã sách: 4CS2324

In 3.000 cuốn, khổ 17 x 24cm, tại Công ty TNHH In Thành Bình.

Đăng kí KHXB số: 203–2014/CXB/69–03/ĐHSP, ngày 24/01/2014.

Quyết định xuất bản số: 15/QĐ–ĐHSP ngày 10/02/2014.

In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2014.